

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
1	1201020046	Đinh Thu	An	07/12/2006	KD12A	000001	173	5.60	42	01
2	1201020058	Lê Phương	Anh	14/01/2006	KD12A	000002	201	4.80	36	01
3	1201020070	Nguyễn Quế	Anh	24/10/2006	KD12A	000003	398	2.80	21	01
4	1201030728	Nguyễn Tú	Anh	15/11/2006	KD12A	000004	467	4.00	30	01
5	1201020079	Phạm Hải	Anh	17/11/2006	KD12A	000005	582	6.60	50	01
6	1201031538	Quản Vân	Anh	04/05/2006	KD12A	000006			#####	01
7	1201020085	Trần Diệu	Anh	03/10/2006	KD12A	000007	614	6.00	45	01
8	1201021663	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	10/01/2006	KD12A	000008	739	6.60	50	01
9	1201021792	Phan Lưu Minh	Ánh	23/05/2004	KD12A	000009	845	6.40	48	01
10	1201021692	Phạm Thành	Đạt	02/09/2006	KD12A	000010	173	2.40	18	01
11	1201020115	Đào Ngọc	Diệp	06/04/2006	KD12A	000011	201	2.80	21	01
12	1201021694	Đỗ Xuân	Đức	09/08/2004	KD12A	000012	398	2.40	18	01
13	1201020128	Dương Anh	Dũng	05/08/2006	KD12A	000013	467	3.20	24	01
14	1201020135	Nguyễn Thị Thùy	Dương	10/01/2006	KD12A	000014	582	3.40	26	01
15	1201021484	Đỗ Thị Hương	Giang	12/11/2006	KD12A	000015	614	4.60	35	01
16	1201020154	Vũ Thị Thu	Hà	10/09/2006	KD12A	000016	739	2.60	20	01
17	1201020164	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/07/2006	KD12A	000017			#####	01
18	1201021768	Ngô Thị	Hào	28/09/2006	KD12A	000018	845	5.20	39	01
19	1201021821	Trần Thị Thu	Hiền	02/10/2006	KD12A	000019	173	4.80	36	01
20	1201020189	Đặng Thu	Hương	23/05/2004	KD12A	000020			#####	01
21	1201020204	Lê Thị Trần	Huyền	05/07/2006	KD12A	000021	398	3.40	26	01
22	1201020212	Nguyễn Thu	Huyền	01/01/2006	KD12A	000022	467	5.00	38	01
23	1201020218	Nguyễn Lê Đăng	Khánh	14/07/2006	KD12A	000023			#####	01
24	1201020222	Thân Tuấn	Kiệt	17/08/2006	KD12A	000024	582	3.40	26	01
25	1201020231	Nguyễn Lê Phương	Lan	16/12/2006	KD12A	000025	614	2.20	17	01
26	1201021763	Đặng Thị Thùy	Linh	28/09/2006	KD12A	000026	739	2.60	20	01
27	1201020646	Đinh Thị Diệu	Linh	16/08/2006	KD12A	000027	845	5.80	44	01
28	1201020251	Nguyễn Thái Thùy	Linh	05/05/2006	KD12A	000028			#####	01

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
29	1201021495	Phạm Phương	Linh	19/07/2006	KD12A	000029	173	4.60	35	01
30	1201020127	Đỗ Tiến	Dũng	19/02/2006	KD12G	000030			#####	01
31	1201020267	Trần Hồng	Loan	25/07/2006	KD12A	000031	201	4.60	35	02
32	1201020288	Nguyễn Thị Như	Mai	25/11/2006	KD12A	000032	398	4.20	32	02
33	1201020297	Hoàng Thị Trà	My	22/12/2006	KD12A	000033	467	3.60	27	02
34	1201021497	Đoàn Thị Thu	Nga	29/07/2006	KD12A	000034	582	5.80	không	BB100%
35	1201020311	Lê Thị	Ngân	02/04/2006	KD12A	000035	614	4.60	35	02
36	1201021500	Ngô Thị Mỹ	Ngọc	05/10/2006	KD12A	000036	173	4.60	35	02
37	1201021000	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	26/10/2006	KD12A	000037	201	5.80	44	02
38	1201020333	Khương Thị Uyên	Nhi	26/08/2006	KD12A	000038	398	5.00	38	02
39	1201020350	Nguyễn Thị Kim	Oanh	09/03/2006	KD12A	000039	467	7.60	57	02
40	1201021787	Lý Thu	Phuong	14/10/2006	KD12A	000040	582	3.40	26	02
41	1201020367	Vũ Minh	Quang	25/08/2005	KD12A	000041	614	6.60	50	02
42	1201021506	Hoàng Ngọc	Son	17/04/2004	KD12A	000042			#####	02
43	1201020384	Đàm Thanh	Thảo	02/08/2005	KD12A	000043	739	3.60	27	02
44	1001020279	Nguyễn Phương	Thảo	30/10/2004	KD12A	000044			#####	02
45	1201020395	Trần Thị Thanh	Thảo	04/09/2006	KD12A	000045	845	4.00	30	02
46	1201020399	Đỗ Thị	Thu	30/08/2005	KD12A	000046	173	3.80	29	02
47	1201020410	Nguyễn Anh	Thư	21/12/2006	KD12A	000047	201	4.40	33	02
48	1201020419	Vũ Thị Thu	Thủy	22/07/2006	KD12A	000048	398	4.40	33	02
49	1201020428	Đinh Quỳnh	Trang	09/10/2006	KD12A	000049	467	4.60	35	02
50	1201021514	Nguyễn Huyền	Trang	23/12/2006	KD12A	000050	582	5.20	39	02
51	1201020448	Phạm Hà	Trang	11/12/2006	KD12A	000051	614	5.00	38	02
52	1201021517	Vũ Thị Thu	Trang	19/07/2006	KD12A	000052			#####	02
53	1201020461	Nguyễn Đăng	Tuấn	26/09/2006	KD12A	000053	739	5.60	42	02
54	1201020470	Phạm Hồng	Vân	31/12/2006	KD12A	000054	845	6.40	48	02
55	1201020479	Lê Thị	Vui	04/12/2005	KD12A	000055	173	3.80	29	02
56	1201020487	Dư Hải	Yến	11/08/2006	KD12A	000056			#####	02

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
57	1201020051	Dương Huyền Phương	Anh	30/10/2006	KD12B	000057	201	3.60	27	03
58	1201020080	Phạm Huyền	Anh	03/07/2005	KD12B	000058			#####	03
59	1201020089	Trần Thị Ngọc	Anh	30/08/2006	KD12B	000059	398	2.20	17	03
60	1201020095	Hoàng Thị Kim	Ánh	02/09/2006	KD12B	000060	467	7.40	56	03
61	1201020103	Đoàn Linh	Chi	24/04/2006	KD12B	000061	582	3.80	29	03
62	1201020109	Phạm Quỳnh	Chi	19/06/2006	KD12B	000062	614	3.20	24	03
63	1201020110	Tăng Yên	Chi	19/10/2006	KD12B	000063	739	3.00	23	03
64	1201021817	Nguyễn Trung	Đức	01/07/2006	KD12B	000064	845	3.00	23	03
65	1201020126	Trần Thị Phương	Dung	14/03/2006	KD12B	000065	173	5.40	41	03
66	1201021800	Nguyễn Đức	Dũng	06/01/2006	KD12B	000066	201	5.20	39	03
67	1201020131	Đỗ Thị Ánh	Dương	19/06/2006	KD12B	000067	398	2.40	18	03
68	1201021695	Nguyễn Thị Thùy	Dương	08/03/2006	KD12B	000068	845	6.80	51	03
69	1201020142	Lại Hương	Giang	01/01/2006	KD12B	000069	582	9.40	71	03
70	1201020151	Nguyễn Thúy	Hà	10/05/2006	KD12B	000070	739	3.80	29	03
71	1201021811	Phạm Thị Thúy	Hằng	02/07/2006	KD12B	000071	173	7.20	54	03
72	1201021776	Đỗ Thanh	Hiền	25/10/2004	KD12B	000072	201	8.60	65	03
73	1201020177	Lê Thị Quỳnh	Hoa	28/09/2006	KD12B	000073	398	2.20	17	03
74	1201020181	Hoàng Thu	Hoài	04/02/2006	KD12B	000074	467	3.80	29	03
75	1201021774	Hà Hoàng Quỳnh	Hương	28/06/2006	KD12B	000075			#####	03
76	1201020197	Nguyễn Thị Thu	Hương	06/11/2006	KD12B	000076	845	4.20	32	03
77	1101020124	Nguyễn Thanh	Huyền	19/08/2005	KD12B	000077			#####	03
78	1201021490	Vũ Khánh	Huyền	18/03/2006	KD12B	000078	582	4.80	36	03
79	1201020232	Nguyễn Thị	Lan	11/10/2006	KD12B	000079	614	5.20	39	03
80	1201021492	Đào Thị Khánh	Linh	26/10/2006	KD12B	000080	739	2.60	20	03
81	1201020258	Trần Ngọc	Linh	30/06/2006	KD12B	000081	845	6.20	47	03
82	1201020263	Lê Thanh	Loan	24/10/2006	KD12B	000082	173	4.80	36	03
83	1201020268	Nguyễn Thành	Long	22/04/2006	KD12B	000083			#####	03
84	1201020277	Lê Cẩm	Ly	16/01/2006	KD12B	000084	201	1.80	14	04

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
85	1201020298 Lê Thị Huyền	My	22/07/2006	KD12B	000085	398	5.60	42	04
86	1201021771 Nguyễn Thị	Nga	20/09/2006	KD12B	000086	467	4.20	32	04
87	1201020308 Khương Thị	Ngân	02/05/2006	KD12B	000087	582	4.20	32	04
88	1201020312 Nguyễn Thị Kim	Ngân	14/08/2006	KD12B	000088	614	5.80	44	04
89	1201020325 Vũ Minh	Nguyệt	06/07/2006	KD12B	000089	739	4.60	35	04
90	1201020335 Nguyễn Nguyệt	Nhi	20/10/2006	KD12B	000090	845	3.40	26	04
91	1201020338 Tăng Hoàng Yến	Nhi	27/05/2006	KD12B	000091	173	3.00	23	04
92	1201021773 Hoàng Tuyết	Nhung	08/10/2006	KD12B	000092	201	2.80	21	04
93	1201020359 Ngô Thị Minh	Phuong	19/02/2006	KD12B	000093	398	4.20	32	04
94	1201020368 Ngô Ngọc	Quyên	03/03/2006	KD12B	000094	467	7.00	53	04
95	1201020385 Đỗ Phương	Thảo	19/01/2006	KD12B	000095	582	4.40	33	04
96	1201021810 Nguyễn Phương	Thảo	01/07/2006	KD12B	000096	614	7.80	59	04
97	1201031061 Nguyễn Phương	Thảo	25/02/2006	KD12B	000097	739	3.80	29	04
98	1201020393 Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/08/2006	KD12B	000098	845	4.00	30	04
99	1201020400 Lê Hoàng Minh	Thu	02/08/2006	KD12B	000099	173	3.80	29	04
100	1101020283 Phạm Thị	Thương	11/03/2005	KD12B	000100	201	2.40	18	04
101	1201020413 Nguyễn Thị Thanh	Thúy	12/05/2003	KD12B	000101	398	8.00	60	04
102	1201020422 Hoàng Kim	Tiếp	25/10/2006	KD12B	000102			#####	04
103	1201020423 Trần Thị	Toán	28/03/2000	KD12B	000103	467	8.20	62	04
104	1201021644 Đinh Thị Quỳnh	Trang	25/04/2006	KD12B	000104	582	6.40	48	04
105	1201020439 Nguyễn Quỳnh	Trang	30/06/2006	KD12B	000105	614	6.20	47	04
106	1201020449 Phạm Thị Huyền	Trang	03/01/2006	KD12B	000106	173	3.20	24	04
107	1201020462 Nguyễn Thị	Tươi	05/01/2006	KD12B	000107	201	2.80	21	04
108	1201020471 Đỗ Thị Cẩm	Vi	16/10/2005	KD12B	000108	398	4.40	33	04
109	1201021144 Hoàng Lan	Vy	22/08/2006	KD12B	000109	467	4.00	30	04
110	1201020489 Lưu Thị Hải	Yến	26/10/2006	KD12B	000110	582	4.60	35	04
111	1201021655 Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	30/11/2005	KD12C	000111	614	5.60	42	05
112	1201020072 Nguyễn Quỳnh	Anh	17/04/2004	KD12C	000112	739	2.40	18	05

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
113	1201020074	Nguyễn Thị Lan	Anh	16/06/2006	KD12C	000113	845	5.00	38	05
114	1201020081	Phạm Ngọc	Anh	28/07/2005	KD12C	000114	173	5.80	44	05
115	1201020090	Trần Thị Phương	Anh	19/04/2005	KD12C	000115			#####	05
116	1201020105	Lê Thị Quỳnh	Chi	18/08/2006	KD12C	000116	201	5.20	39	05
117	1201020111	Đỗ Thị	Cúc	03/01/2006	KD12C	000117	398	4.60	35	05
118	1201020494	Trịnh Tuấn	Đạt	28/06/2006	KD12C	000118	467	6.00	45	05
119	1201021603	Bùi Quỳnh	Diễm	25/02/2006	KD12C	000119	582	4.60	35	05
120	1201020117	Lê Thị Huyền	Diệu	24/08/2006	KD12C	000120	614	4.00	30	05
121	1201021807	Ngô Thị	Dung	08/12/2006	KD12C	000121	739	2.80	21	05
122	1001020956	Nguyễn Thị Ngọc	Dương	25/10/2004	KD12C	000122	845	3.80	29	05
123	1201020136	Nguyễn Thùy	Dương	28/06/2006	KD12C	000123	173	2.40	18	05
124	1201021671	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/05/2006	KD12C	000124	201	8.80	66	05
125	1201021486	Trần Thị Thúy	Hà	15/02/2006	KD12C	000125	398	3.80	29	05
126	1201020165	Phạm Việt	Hằng	07/11/2006	KD12C	000126	467	4.80	36	05
127	1201020168	Đỗ Thị Thu	Hiền	14/07/2006	KD12C	000127	582	3.20	24	05
128	1201021770	Nguyễn Văn	Hiếu	19/11/2006	KD12C	000128	614	2.40	18	05
129	1201020182	Sái Thị Thu	Hoài	18/11/2006	KD12C	000129			#####	05
130	1201020191	Lò Thị	Hương	08/11/2005	KD12C	000130	845	3.00	23	05
131	1201020202	Dương Khánh	Huyền	08/06/2006	KD12C	000131	173	3.80	29	05
132	1201021791	Nguyễn Đan	Khanh	17/12/2006	KD12C	000132	201	3.60	27	05
133	1201020220	Phùng Hữu	Khánh	03/09/2006	KD12C	000133	398	3.40	26	05
134	1201020224	Nguyễn Thị Thanh	Lam	18/08/2006	KD12C	000134	467	4.80	36	05
135	1201020233	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	01/09/2005	KD12C	000135	582	5.20	39	05
136	1201021783	Đỗ Thị Khánh	Linh	13/03/2006	KD12C	000136	614	6.00	45	05
137	1201021704	Nguyễn Thị Hoài	Linh	15/12/2005	KD12C	000137			#####	05
138	1201020261	Vũ Thị Thùy	Linh	13/10/2006	KD12C	000138	739	1.60	12	06
139	1201020269	Lê Văn	Luân	21/08/2004	KD12C	000139	845	3.00	23	06
140	1201020306	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	16/12/2006	KD12C	000140	173	4.40	33	06

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
141	1201021601 Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/10/2006	KD12C	000141	201	2.80	21	06
142	1201020318 Nguyễn Minh	Ngọc	24/11/2006	KD12C	000142	398	3.20	24	06
143	1201020319 Phạm Bích	Ngọc	20/08/2006	KD12C	000143	467	3.00	23	06
144	1201020327 Nguyễn Thị	Nhài	08/12/2005	KD12C	000144	582	3.00	23	06
145	1201021501 Phạm Hoàng Bảo	Nhi	20/08/2006	KD12C	000145	614	3.80	29	06
146	1201021819 Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/01/2006	KD12C	000146	739	3.00	23	06
147	1201020352 Bùi Thu	Phương	08/09/2006	KD12C	000147	845	2.20	17	06
148	1201020362 Phùng Minh	Phương	21/01/2006	KD12C	000148	173	4.80	36	06
149	1201021805 Ngô Thị Thuý	Quỳnh	04/08/2006	KD12C	000149	201	3.20	24	06
150	1201020377 Trần Thị Minh	Tâm	24/03/2006	KD12C	000150	398	3.40	26	06
151	1201020388 Lê Thị	Thảo	05/11/2006	KD12C	000151	467	2.80	21	06
152	1201020402 Bùi Anh	Thư	24/07/2005	KD12C	000152	582	2.60	20	06
153	1201020415 Đào Thị Thanh	Thùy	30/04/2006	KD12C	000153	614	1.80	14	06
154	1201021820 Nguyễn Mai	Trang	06/06/2006	KD12C	000154	739	4.20	32	06
155	1201021751 Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/02/2006	KD12C	000155	845	3.80	29	06
156	1201020447 Nguyễn Thùy	Trang	23/04/2006	KD12C	000156	173	6.60	50	06
157	1201020450 Phạm Thị Ngọc	Trang	06/07/2006	KD12C	000157	201	2.00	15	06
158	1201021777 Trần Đình	Trung	03/04/2006	KD12C	000158	398	5.40	41	06
159	1201020465 Nguyễn Tú	Uyên	26/04/2006	KD12C	000159	467	7.00	53	06
160	1201020473 Nguyễn Khánh	Vi	23/04/2006	KD12C	000160	582	6.60	50	06
161	1201020482 Đinh Kiều	Xuân	06/05/2006	KD12C	000161	614	3.60	27	06
162	1201021606 Nguyễn Thị Hải	Yến	23/07/2006	KD12C	000162	739	7.00	53	06
163	1201021806 Lê Hải	Anh	21/10/2006	KD12D	000163	467	3.20	24	07
164	1201021672 Nguyễn Thị Kiều	Anh	09/06/2006	KD12D	000164	582	3.20	24	07
165	1201020075 Nguyễn Thị Phương	Anh	28/10/2006	KD12D	000165			#####	07
166	1201021669 Phan Thị Ngọc	Anh	01/01/2006	KD12D	000166	467	4.60	35	07
167	1201020091 Trần Thị Vân	Anh	27/10/2006	KD12D	000167	398	4.20	32	07
168	1101020036 Lê Thị Ngọc	Ánh	25/06/2005	KD12D	000168	467	3.60	27	07

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
169	1201021637	Nguyễn Hồng	Ánh	25/09/2006	KD12D	000169	582	3.00	23	07
170	1201020106	Lý Quỳnh	Chi	31/03/2006	KD12D	000170	201	5.80	44	07
171	1201021477	Phạm Lệ	Diễm	23/06/2006	KD12D	000171	582	3.20	24	07
172	1201020125	Nguyễn Thị Thùy	Dung	26/04/2006	KD12D	000172	398	4.60	35	07
173	1201020132	Đỗ Thị Quỳnh	Dương	31/07/2006	KD12D	000173	614	5.20	39	07
174	1201020144	Trần Hương	Giang	22/11/2006	KD12D	000174	398	4.40	33	07
175	1201020152	Vũ Nguyễn Nguyệt	Hà	02/01/2006	KD12D	000175			#####	07
176	1201020157	Đặng Thị	Hân	08/04/2006	KD12D	000176	739	3.60	27	07
177	1201020166	Lê Mỹ	Hạnh	13/11/2006	KD12D	000177	201	3.20	24	07
178	1201020174	Dương Xuân	Hình	11/01/2006	KD12D	000178	614	5.00	38	07
179	1201021488	Ngô Thị Thu	Hương	09/10/2006	KD12D	000179	173	2.80	21	07
180	1201020209	Nguyễn Thị	Huyền	27/10/2006	KD12D	000180	614	2.20	17	07
181	1201021656	Nguyễn Lê	Khanh	07/04/2006	KD12D	000181			#####	07
182	1201021815	Nguyễn Đăng	Khôi	09/12/2006	KD12D	000182	845	2.80	21	07
183	1201020225	Lê Thanh	Lâm	30/09/2006	KD12D	000183	739	3.60	27	07
184	1201020234	Trần Thị Ngọc	Lan	02/03/2006	KD12D	000184	173	2.40	18	07
185	1201020241	Dư Thị Thùy	Linh	08/03/2006	KD12D	000185	845	4.60	35	07
186	1201020254	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/04/2006	KD12D	000186	201	3.20	24	07
187	1201020280	Phạm Quỳnh	Ly	29/08/2006	KD12D	000187	173	3.00	23	07
188	1101020958	Trần Thị Thúy	Hiền	29/12/2005	KD12D	000188	173	5.80	44	08
189	1201020291	Vũ Thị Huệ	Mẫn	15/11/2006	KD12D	000189	201	4.60	35	08
190	1201020292	Bùi Thị Ngọc	Minh	01/09/2006	KD12D	000190	398	3.20	24	08
191	1201020300	Nguyễn Thị Trà	My	14/03/2006	KD12D	000191	398	2.60	20	08
192	1201020307	Chu Thị Phương	Ngân	03/06/2004	KD12D	000192			#####	08
193	1201021708	Quách Thanh	Ngọc	14/08/2006	KD12D	000193	467	4.00	30	08
194	1201020322	Đoàn Nhật	Nguyên	19/08/2006	KD12D	000194	582	4.20	32	08
195	1201020330	Đặng Thị Yến	Nhi	21/09/2006	KD12D	000195	614	3.80	29	08
196	1201020339	Trần Ánh	Nhi	13/06/2006	KD12D	000196	739	5.80	44	08

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
197	1201020347	Nguyễn Thị Thùy	Ninh	03/10/2006	KD12D	000197	845	2.60	20	08
198	1201020353	Chích Hoàng	Phuong	16/07/2005	KD12D	000198	173	3.20	24	08
199	1201020363	Trần Phan Thanh	Phuong	06/12/2006	KD12D	000199	201	3.80	29	08
200	1201020371	Nguyễn Như	Quỳnh	10/10/2006	KD12D	000200			#####	08
201	1201020378	Lê Hoàng	Tân	04/12/2006	KD12D	000201	398	3.40	26	08
202	1201020389	Lê Thị Huyền	Thảo	27/10/2006	KD12D	000202	467	4.60	35	08
203	1201020394	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/06/2006	KD12D	000203	582	5.40	41	08
204	1201020416	Đào Thanh	Thủy	19/09/2006	KD12D	000204	614	4.20	32	08
205	1201020424	Đoàn Thị Thu	Trà	07/03/2006	KD12D	000205	739	4.40	33	08
206	1201020431	Hoàng Thị Thu	Trang	19/01/2006	KD12D	000206	845	3.00	23	08
207	1201020435	Nguyễn Ngọc	Trang	09/11/2006	KD12D	000207	173	3.80	29	08
208	1201020443	Nguyễn Thị Thu	Trang	23/03/2006	KD12D	000208	201	5.20	39	08
209	1201020451	Phạm Thu	Trang	29/06/2005	KD12D	000209	398	2.60	20	08
210	1201020453	Trần Huyền	Trang	29/07/2006	KD12D	000210	467	5.60	42	08
211	1201020466	Phạm Thị Hoàng	Uyên	14/04/2006	KD12D	000211	582	5.00	38	08
212	1201020475	Đinh Văn	Vĩ	10/02/2006	KD12D	000212	614	3.20	24	08
213	1201020483	Đào Nguyễn Như	Ý	25/02/2006	KD12D	000213	739	4.40	33	08
214	1201020491	Vũ Hải	Yến	07/12/2006	KD12D	000214	845	2.60	20	08
215	1201020056	Lê Ngọc	Anh	13/07/2006	KD12E	000215	173	3.40	26	09
216	1201020068	Nguyễn Phương	Anh	10/12/2006	KD12E	000216	201	5.20	39	09
217	1201020076	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/10/2006	KD12E	000217	398	6.00	45	09
218	1201020083	Phan Thị Quỳnh	Anh	23/11/2006	KD12E	000218	467	3.20	24	09
219	1201020096	Nguyễn Ngọc	Ánh	08/04/2006	KD12E	000219	582	5.20	39	09
220	1201020107	Nguyễn Linh	Chi	04/09/2006	KD12E	000220	614	4.60	35	09
221	1201020112	Phùng Mạnh	Cường	06/01/2006	KD12E	000221	739	4.00	30	09
222	1201020113	Trịnh Thị	Diễm	12/05/2006	KD12E	000222	845	2.60	20	09
223	1201020116	Phạm Lê Ngọc	Diệp	25/12/2006	KD12E	000223	173	3.80	29	09
224	1201021693	Hà Thị	Dịu	05/12/2006	KD12E	000224	201	3.80	29	09

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
225	1201020133 Lê Thùy	Dương	24/04/2005	KD12E	000225	398	5.20	39	09
226	1201021665 Vũ Thùy	Dương	22/02/2006	KD12E	000226	467	3.60	27	09
227	1201020146 Đào Thu	Hà	04/05/2006	KD12E	000227	582	5.00	38	09
228	1201021822 Vũ Thị	Hà	16/01/2006	KD12E	000228	614	3.20	24	09
229	1201020158 Nguyễn Ngọc	Hân	06/11/2006	KD12E	000229	739	3.80	29	09
230	1201021487 Lục Thúy	Hạnh	24/11/2006	KD12E	000230	845	4.20	32	09
231	1201020169 Đỗ Thu	Hiền	29/03/2006	KD12E	000231	173	2.80	21	09
232	1201020175 Đỗ Quỳnh	Hoa	05/07/2006	KD12E	000232	201	3.00	23	09
233	1201020184 Nguyễn Thị	Hồng	06/02/2006	KD12E	000233	398	2.60	20	09
234	1201020192 Ngô Thu	Hương	04/06/2006	KD12E	000234	467	3.40	26	09
235	1201020200 Nguyễn Khánh	Hường	28/12/2006	KD12E	000235	582	1.60	12	09
236	1201020210 Nguyễn Thị Thu	Huyền	23/12/2006	KD12E	000236	614	3.80	29	09
237	1201020216 Ngô Ngọc	Khánh	04/10/2006	KD12E	000237	739	3.80	29	09
238	1201020221 Hoàng Thị	Khuê	13/01/2005	KD12E	000238	845	4.00	30	09
239	1201020226 Nguyễn Bảo	Lâm	14/10/2006	KD12E	000239	173	4.00	30	09
240	1201020236 Vũ Thị Kim	Lan	18/01/2006	KD12E	000240	201	3.00	23	09
241	1201020245 Lã Thị Phương	Linh	06/11/2006	KD12E	000241	398	3.40	26	09
242	1201020264 Lê Thị Kiều	Loan	03/04/2006	KD12E	000242	467	3.00	23	10
243	1201020272 Đào Thị Thanh	Luyến	30/06/2006	KD12E	000243	582	4.80	36	10
244	1201020285 Đỗ Ngọc	Mai	02/11/2006	KD12E	000244	614	3.80	29	10
245	1201021654 Trương Thị Ngọc	Mai	04/10/2006	KD12E	000245	739	4.00	30	10
246	1201020293 Đỗ Đức	Minh	18/05/2006	KD12E	000246	845	4.60	35	10
247	1201020314 Phạm Hồng	Ngát	06/04/2005	KD12E	000247	173	5.20	39	10
248	1201020320 Trịnh Minh	Ngọc	28/12/2006	KD12E	000248	173	5.00	38	10
249	1201021600 Nguyễn Thảo	Nguyên	16/09/2006	KD12E	000249	201	4.00	30	10
250	1201021813 Đỗ Trần Yến	Nhi	07/06/2006	KD12E	000250	398	4.00	30	10
251	1201020341 Trương Thị Yến	Nhi	04/10/2006	KD12E	000251	467	4.80	36	10
252	1201020343 Nguyễn Thị Huyền	Như	03/02/2006	KD12E	000252			#####	10

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
253	1201020348	Trần Thị Ánh	Ninh	23/08/2006	KD12E	000253	582	4.00	30	10
254	1201020354	Đặng Thị Minh	Phuong	21/12/2006	KD12E	000254	614	3.80	29	10
255	1201021505	Nguyễn Như	Quỳnh	09/01/2006	KD12E	000255	739	3.00	23	10
256	1201020379	Đinh Phương	Thanh	13/08/2006	KD12E	000256	845	5.40	41	10
257	1201020390	Lê Thị Phương	Thảo	23/02/2006	KD12E	000257	173	4.60	35	10
258	1201020404	Lê Anh	Thư	12/11/2006	KD12E	000258	201	2.40	18	10
259	1201020417	Trần Thu	Thủy	19/08/2006	KD12E	000259	398	4.40	33	10
260	1201021670	Đỗ Thị	Trâm	03/07/2006	KD12E	000260	467	3.40	26	10
261	1201020436	Nguyễn Quỳnh	Trang	25/08/2006	KD12E	000261	582	4.20	32	10
262	1201020446	Nguyễn Thùy	Trang	10/01/2005	KD12E	000262	614	5.80	44	10
263	1201020452	Thân Hiền	Trang	08/03/2006	KD12E	000263	739	5.40	41	10
264	1201020684	Nguyễn Thanh	Tú	23/10/2006	KD12E	000264	845	4.40	33	10
265	1201020468	Lê Thùy	Vân	17/09/2006	KD12E	000265	173	4.80	36	10
266	1201020476	Ngô Lê Hoàng	Việt	14/07/2006	KD12E	000266	201	3.80	29	10
267	1201020057	Lê Nhật	Anh	14/01/2006	KD12G	000267	398	2.40	18	11
268	1201020069	Nguyễn Phương	Anh	16/11/2006	KD12G	000268	467	5.80	44	11
269	1201020077	Nguyễn Thùy	Anh	02/07/2006	KD12G	000269	582	3.00	23	11
270	1201020084	Phùng Quỳnh	Anh	05/06/2006	KD12G	000270	614	4.80	36	11
271	1201020093	Bùi Thị Ngọc	Ánh	22/04/2006	KD12G	000271	739	3.00	23	11
272	1201020097	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	30/07/2006	KD12G	000272	845	3.40	26	11
273	1201020108	Nguyễn Mai	Chi	31/05/2006	KD12G	000273	173	4.00	30	11
274	1201021823	Dương Thị Anh	Đào	26/09/2004	KD12G	000274	201	3.80	29	11
275	1201020114	Hoàng Thị	Điểm	10/01/2005	KD12G	000275	398	4.60	35	11
276	1201020120	Nguyễn Thị	Dịu	15/12/2006	KD12G	000276	467	3.60	27	11
277	1201020134	Ngô Thùy	Dương	10/07/2006	KD12G	000277	582	4.20	32	11
278	1201020139	Vũ Đức	Duy	22/10/2003	KD12G	000278	614	6.20	47	11
279	1201020153	Vũ Thị Thu	Hà	22/06/2006	KD12G	000279	739	3.40	26	11
280	1201020156	Ngô Thị Thanh	Hải	11/09/2006	KD12G	000280	845	3.00	23	11

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
281	1201020159 Phạm Thị Thùy	Hân	04/07/2006	KD12G	000281	201	5.40	41	11
282	1201020167 Ngô Minh	Hạnh	17/02/2006	KD12G	000282	173	3.60	27	11
283	1201021801 Đỗ Thị Thu	Hiền	24/08/2006	KD12G	000283	201	2.60	20	11
284	1201020171 Phạm Ngọc	Hiền	23/07/2006	KD12G	000284	398	4.20	32	11
285	1201020186 Trần Thị Hồng	Huế	16/11/2006	KD12G	000285	467	2.80	21	11
286	1201020195 Nguyễn Thanh	Hương	11/02/2006	KD12G	000286	582	4.40	33	11
287	1201020201 Nguyễn Quang	Huy	29/01/2004	KD12G	000287	614	4.20	32	11
288	1201020211 Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/06/2006	KD12G	000288	739	3.80	29	11
289	1201020217 Nguyễn Bá	Khánh	01/08/2006	KD12G	000289	845	5.20	39	11
290	1201021491 Đặng Trung	Kiên	23/09/2006	KD12G	000290	173	2.80	21	11
291	1201020230 Bùi Thị Ngọc	Lan	30/04/2006	KD12G	000291	201	3.20	24	11
292	1201020239 Chu Khánh	Linh	28/12/2006	KD12G	000292	398	4.20	32	11
293	1201020249 Nguyễn Hoàng	Linh	13/07/2006	KD12G	000293	467	3.20	24	12
294	1201020265 Ngô Thị Phương	Loan	06/06/2006	KD12G	000294	582	4.60	35	12
295	1201020274 Chu Thị Hương	Ly	22/01/2006	KD12G	000295	614	3.00	23	12
296	1201020286 Đỗ Thị Thu	Mai	22/12/2005	KD12G	000296	739	2.80	21	12
297	1201020295 Nguyễn Tiến	Minh	23/10/2006	KD12G	000297	845	2.40	18	12
298	1201020303 Đinh Ngọc	Nam	10/11/2006	KD12G	000298	173	3.60	27	12
299	1201020310 Lê Bảo	Ngân	05/06/2006	KD12G	000299	201	4.60	35	12
300	1201020315 Mã Đình	Nghiêm	11/04/2006	KD12G	000300	398	3.40	26	12
301	1201020332 Hoàng Thị Trang	Nhi	20/01/2006	KD12G	000301	467	4.40	33	12
302	1201020342 Lê Quỳnh	Như	12/02/2006	KD12G	000302	582	4.60	35	12
303	1201020349 Nguyễn Thị Kim	Oanh	28/12/2006	KD12G	000303	614	3.60	27	12
304	1201020351 Trần Đức	Phát	02/08/2006	KD12G	000304	739	4.60	35	12
305	1201020357 Đỗ Thu	Phương	05/12/2006	KD12G	000305	845	4.00	30	12
306	1201020364 Đặng Thị	Phượng	16/07/2006	KD12G	000306	173	3.00	23	12
307	1201020372 Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	04/12/2006	KD12G	000307	173	3.00	23	12
308	1201020383 Chu Thạch	Thảo	31/01/2006	KD12G	000308	201	6.20	47	12

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
309	1201020391 Nguyễn Phương	Thảo	19/04/2006	KD12G	000309			#####	12
310	1201020396 Vũ Thanh	Thảo	20/09/2006	KD12G	000310	398	3.20	24	12
311	1201020406 Lê Hoàng Minh	Thư	15/12/2006	KD12G	000311	467	4.00	30	12
312	1201020418 Vũ Thị Thu	Thủy	28/09/2006	KD12G	000312	582	2.80	21	12
313	1201020426 Nguyễn Đình Huệ	Trâm	17/08/2006	KD12G	000313	614	2.60	20	12
314	1201020429 Đỗ Thị	Trang	04/12/2006	KD12G	000314	739	2.40	18	12
315	1201020434 Nguyễn Huyền	Trang	15/10/2006	KD12G	000315	845	4.20	32	12
316	1201020437 Nguyễn Quỳnh	Trang	03/07/2006	KD12G	000316	173	4.60	35	12
317	1201021638 Đặng Kiên	Trung	23/09/2006	KD12G	000317	201	3.80	29	12
318	1201020460 Bùi Văn	Tuấn	01/01/2000	KD12G	000318	398	2.60	20	12
319	1201020469 Nguyễn Hải	Vân	19/03/2006	KD12G	000319	467	3.60	27	12
320	1201020478 Đào Minh	Vũ	07/10/2006	KD12G	000320	582	3.60	27	12
321	1201011772 Đào Phương	Anh	02/03/2006	TC12A	000321	614	5.80	44	13
322	1201011153 Đỗ Quỳnh	Anh	27/09/2006	TC12A	000322	739	7.40	56	13
323	1201011154 Đới Thị Phương	Anh	05/03/2005	TC12A	000323	845	3.40	26	13
324	1201011161 Lê Thế	Anh	27/05/2005	TC12A	000324	845	4.80	36	13
325	1201011166 Ngô Thu	Anh	18/07/2006	TC12A	000325	173	6.20	47	13
326	1201011173 Nguyễn Quỳnh	Anh	04/03/2006	TC12A	000326	201	6.60	50	13
327	1201011677 Lê Hồng	Ánh	30/11/2006	TC12A	000327	398	2.80	21	13
328	1201011195 Đỗ Khánh	Chi	24/08/2006	TC12A	000328	467	4.60	35	13
329	1201011203 Đỗ Tiến	Đạt	28/12/2006	TC12A	000329	582	2.80	21	13
330	1201011209 La Thị Thu	Dung	23/07/2006	TC12A	000330	614	4.40	33	13
331	1201011218 Trần Thủy	Dương	09/05/2006	TC12A	000331	739	3.60	27	13
332	1201011219 Nguyễn Khánh	Duy	06/10/2006	TC12A	000332	845	3.80	29	13
333	1201011222 Phạm Thị Mỹ	Duyên	18/03/2006	TC12A	000333	173	6.40	48	13
334	1201010812 Nguyễn Thái	Hà	30/09/2006	TC12A	000334	201	5.60	42	13
335	1201011231 Vũ Thị Thu	Hà	27/07/2006	TC12A	000335	398	4.20	32	13
336	1201011241 Phạm Thu	Hằng	26/09/2006	TC12A	000336	739	3.40	26	13

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
337	1201011255 Lê Thị	Hiếu	21/07/2006	TC12A	000337	467	3.40	26	13
338	1201011257 Nguyễn Minh	Hiếu	16/04/2006	TC12A	000338	582	7.00	53	13
339	1201011264 Đàm Thu	Hoài	17/09/2006	TC12A	000339	614	6.40	48	13
340	1201011266 Vũ Đức	Hoàng	09/10/2006	TC12A	000340			#####	13
341	1201011588 Hoàng Thị	Huệ	21/06/2006	TC12A	000341	173	2.80	21	13
342	1201011789 Phạm Hải	Huy	20/01/2006	TC12A	000342	201	3.40	26	13
343	1201011291 Bùi Thị	Lan	26/11/2005	TC12A	000343	398	3.80	29	13
344	1201030910 Đoàn Thị Khánh	Linh	19/01/2006	TC12A	000344	467	4.00	30	13
345	1201011595 Nghiêm Thùy	Linh	11/11/2006	TC12A	000345	582	3.80	29	13
346	1201011303 Nguyễn Hà	Linh	25/09/2006	TC12A	000346			#####	13
347	1201011305 Nguyễn Khánh	Linh	20/06/2006	TC12A	000347	614	5.80	44	13
348	1201011310 Nguyễn Thùy	Linh	03/02/2006	TC12A	000348	739	4.00	30	13
349	1201011316 Trịnh Lê Khánh	Linh	16/01/2006	TC12A	000349	845	3.40	26	13
350	1201030939 Vũ Khánh	Linh	25/01/2006	TC12A	000350	173	4.80	36	13
351	1201011328 Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/09/2006	TC12A	000351	201	5.20	39	14
352	1201011329 Phạm Ngọc	Mai	27/05/2006	TC12A	000352	398	5.60	42	14
353	1201011332 Bùi Tiến	Minh	19/12/2006	TC12A	000353	467	5.80	44	14
354	1201011334 Đinh Nhật	Minh	25/11/2006	TC12A	000354	582	3.60	27	14
355	1201011349 Nguyễn Thị Kim	Ngân	12/11/2006	TC12A	000355	614	3.80	29	14
356	1201030994 Bùi Minh	Ngọc	06/09/2006	TC12A	000356	739	3.20	24	14
357	1201011354 Lưu Minh	Ngọc	17/10/2006	TC12A	000357	845	5.40	41	14
358	1201011358 Dư Thị Thảo	Nguyên	17/01/2006	TC12A	000358	173	5.60	42	14
359	1201011362 Bùi Phan Hà	Nhi	17/03/2006	TC12A	000359			#####	14
360	1201011367 Đỗ Hồng	Nhung	16/02/2006	TC12A	000360	201	3.40	26	14
361	1201011380 Hoàng Lan	Phuong	13/08/2006	TC12A	000361			#####	14
362	1201011382 Nguyễn Nam	Phuong	01/10/2006	TC12A	000362	398	3.60	27	14
363	1201011391 Nguyễn Mạnh	Quyền	11/10/2006	TC12A	000363	467	3.80	29	14
364	1201011397 Trần Thái	Son	16/06/2006	TC12A	000364			#####	14

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
365	1201011399	Đỗ Thanh	Tâm	16/09/2006	TC12A	000365	582	4.20	32	14
366	1201011401	Nguyễn Minh	Tâm	07/05/2006	TC12A	000366	614	4.80	36	14
367	1201011406	Hà Phương	Thảo	11/12/2004	TC12A	000367	739	4.20	32	14
368	1201011602	Phạm Phương	Thảo	29/09/2006	TC12A	000368	845	5.40	41	14
369	1201011413	Mai Tiến	Thọ	25/03/2006	TC12A	000369	173	2.40	18	14
370	1201011420	Nguyễn Thị	Thư	16/06/2006	TC12A	000370			#####	14
371	1201011423	Lê Thị	Thùy	09/09/2006	TC12A	000371	201	4.20	32	14
372	1201011630	Lưu Quỳnh	Trâm	16/07/2006	TC12A	000372	398	6.40	48	14
373	1201011437	Đỗ Hà	Trinh	04/11/2006	TC12A	000373	467	3.40	26	14
374	1201011440	Hoàng Ngọc	Tú	03/01/2006	TC12A	000374	582	2.20	17	14
375	1201011449	Nguyễn Xuân	Tùng	27/12/2006	TC12A	000375	173	2.60	20	14
376	1201011160	Lê Mai	Anh	24/10/2006	TC12B	000376	201	6.00	45	15
377	1201011171	Nguyễn Phương	Anh	15/09/2006	TC12B	000377	398	6.80	51	15
378	1201011581	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/07/2006	TC12B	000378	467	5.60	42	15
379	1201011179	Phạm Thị Vân	Anh	09/03/2006	TC12B	000379	582	6.80	51	15
380	1201011183	Trần Phương	Anh	06/07/2006	TC12B	000380	614	3.40	26	15
381	1201011187	Vũ Lan	Anh	26/03/2005	TC12B	000381	739	4.00	30	15
382	1201011192	Phí Thái	Bảo	14/03/2006	TC12B	000382	845	5.20	39	15
383	1201011584	Trần Tuấn	Đạt	30/09/2006	TC12B	000383	173	5.40	41	15
384	1201011220	Vũ Thành	Duy	01/07/2006	TC12B	000384	201	3.20	24	15
385	1201011229	Nguyễn Vũ Hải	Hà	23/06/2006	TC12B	000385			#####	15
386	1201011233	Đỗ Ngọc	Hải	20/08/2005	TC12B	000386	398	5.60	42	15
387	1201011242	Ngô Thị Thu	Hạnh	14/10/2006	TC12B	000387	467	7.20	54	15
388	1201011245	Nguyễn Thu	Hiền	24/07/2006	TC12B	000388	582	4.80	36	15
389	1201011256	Nguyễn Đình	Hiếu	29/08/2006	TC12B	000389	614	3.80	29	15
390	1201011259	Nguyễn Phương	Hoa	04/08/2006	TC12B	000390	739	5.00	38	15
391	1201011757	Nguyễn Xuân	Hoàng	03/10/2000	TC12B	000391			#####	15
392	1201011275	Phạm Phan Diệu	Hương	14/02/2006	TC12B	000392	845	3.60	27	15

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
393	1201011282	Hoàng Thanh	Huyền	23/07/2006	TC12B	000393	173	3.80	29	15
394	1201011285	Lê Thiệu	Khánh	08/10/2006	TC12B	000394			#####	15
395	1201011301	Mai Thùy	Linh	21/11/2006	TC12B	000395	201	3.60	27	15
396	1201011302	Nguyễn Diệu	Linh	04/03/2006	TC12B	000396	398	5.60	42	15
397	1201011304	Nguyễn Khánh	Linh	18/07/2006	TC12B	000397	467	5.60	42	15
398	1201011306	Nguyễn Khánh	Linh	27/05/2006	TC12B	000398	582	6.00	45	15
399	1201011311	Nguyễn Thùy	Linh	15/03/2006	TC12B	000399	614	5.40	41	15
400	1201011782	Trần Khánh	Linh	14/02/2006	TC12B	000400	173	6.20	47	16
401	1201011321	Dương Hoàng	Long	14/09/2006	TC12B	000401	201	5.20	39	16
402	1201011786	Nguyễn Thị Xuân	Mai	27/04/2006	TC12B	000402	398	7.20	54	16
403	1201011333	Chu Quang	Minh	02/02/2006	TC12B	000403	467	6.00	45	16
404	1201011335	Lưu Quang	Minh	08/08/2006	TC12B	000404	582	3.60	27	16
405	1201011598	Nguyễn Tân Hoàn	Mỹ	28/09/2006	TC12B	000405	614	4.00	30	16
406	1201011352	Bùi Minh	Ngọc	03/08/2006	TC12B	000406	739	4.80	36	16
407	1201011356	Trần Hồng	Ngọc	01/12/2006	TC12B	000407	845	8.20	62	16
408	1201011360	Nguyễn Thảo	Nguyên	30/01/2006	TC12B	000408	173	6.20	47	16
409	1201011363	Đoàn Yến	Nhi	10/12/2006	TC12B	000409	201	3.40	26	16
410	1201011366	Phạm Lan	Nhi	13/09/2006	TC12B	000410	398	4.20	32	16
411	1201011370	Vũ Thị	Nhung	15/06/2006	TC12B	000411	467	3.40	26	16
412	1201010660	Nguyễn Nam	Phong	02/06/2002	TC12B	000412	582	3.20	24	16
413	1201011373	Trần Quang	Phú	02/01/2006	TC12B	000413	614	4.80	36	16
414	1201011381	Nguyễn Linh	Phương	18/04/2006	TC12B	000414	739	4.60	35	16
415	1201011385	Trần Mai Thu	Phương	21/12/2006	TC12B	000415	845	3.40	26	16
416	1201011387	Lèng Đức	Quang	12/02/2006	TC12B	000416	173	5.80	44	16
417	1201011531	Hoàng Cao	Quyết	19/04/2005	TC12B	000417	201	4.20	32	16
418	1201011398	Đỗ Ngọc Minh	Tâm	01/11/2006	TC12B	000418	398	5.40	41	16
419	1201011400	Nguyễn Đức	Tâm	27/04/2006	TC12B	000419	467	4.00	30	16
420	1201011404	Lê Thị	Thanh	08/07/2006	TC12B	000420	582	3.60	27	16

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
421	1201011060 Nguyễn Phương	Thảo	18/06/2006	TC12B	000421	614	5.20	39	16
422	1201011411 Trương Thị Thanh	Thảo	31/03/2005	TC12B	000422	739	1.80	14	16
423	1201011421 Hà Bách	Thuận	25/12/2006	TC12B	000423	845	6.00	45	16
424	1201011428 Phùng Hương	Trà	27/07/2006	TC12B	000424	173	6.60	50	16
425	1201011439 Bùi Duy	Trường	19/01/2006	TC12B	000425	201	3.80	29	16
426	1201011442 Nguyễn Anh	Tú	23/09/2006	TC12B	000426	398	5.40	41	16
427	1201011658 Lê Ngọc Thảo	Vy	24/07/2006	TC12B	000427	467	4.80	36	16
428	1201011155 Giang Đức	Anh	25/09/2006	NH12A	000428			#####	17
429	1201011156 Hoàng Diệp	Anh	09/01/2006	NH12A	000429	582	3.20	24	17
430	1201011158 Hoàng Mai	Anh	22/05/2006	NH12A	000430	614	4.20	32	17
431	1201011652 Lê Thị Quỳnh	Anh	25/08/2006	NH12A	000431	739	1.60	12	17
432	1201011640 Nguyễn Duy	Anh	12/11/2006	NH12A	000432	845	3.20	24	17
433	1201011172 Nguyễn Phương	Anh	01/08/2006	NH12A	000433			#####	17
434	1201010731 Phạm Thị Phương	Anh	31/12/2006	NH12A	000434	173	4.80	36	17
435	1201011186 Võ Phan	Anh	01/03/2006	NH12A	000435	201	4.00	30	17
436	1201011188 Hà Thị Nguyệt	Ánh	13/12/2006	NH12A	000436	398	4.00	30	17
437	1201011199 Đỗ Trung	Chiến	26/06/2005	NH12A	000437	467	5.80	44	17
438	1201011202 Đinh Hoàng	Đạt	16/08/2006	NH12A	000438	582	4.80	36	17
439	1201011206 Trần Quốc	Đạt	09/07/2006	NH12A	000439			#####	17
440	1201011211 Lưu Mạnh	Dũng	10/10/2006	NH12A	000440	614	4.80	36	17
441	1201011221 Phạm Thị Hồng	Duyên	22/08/2006	NH12A	000441	739	5.20	39	17
442	1201011232 Bùi Hoàng	Hải	07/08/2006	NH12A	000442	845	6.80	51	17
443	1201011240 Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/10/2006	NH12A	000443	173	1.80	14	17
444	1201011252 Nguyễn Vi	Hiệp	26/05/2006	NH12A	000444	201	4.60	35	17
445	1201011795 Đinh Việt	Hùng	26/02/2005	NH12A	000445	398	3.00	23	17
446	1201011276 Lê Quang	Huy	26/06/2005	NH12A	000446	467	5.00	38	17
447	1201011279 Nông Hoàng	Huy	20/05/2004	NH12A	000447	582	4.20	32	17
448	1201011281 Vũ Đình	Huyền	07/08/2006	NH12A	000448			#####	17

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
449	1201011809	Phạm Duy	Khánh	22/03/2006	NH12A	000449	614	6.40	48	17
450	1201011292	Nguyễn Thị	Lan	25/05/2006	NH12A	000450	739	8.00	60	18
451	1201011294	Đinh Thị Diệu	Linh	02/01/2006	NH12A	000451	845	6.60	50	18
452	1201011296	Hoàng Diệu	Linh	09/06/2006	NH12A	000452	173	4.00	30	18
453	1201011298	Hoàng Thùy	Linh	15/10/2005	NH12A	000453	201	4.60	35	18
454	1201011313	Tạ Khánh	Linh	20/06/2005	NH12A	000454	398	3.80	29	18
455	1201011318	Vũ Diệu	Linh	30/08/2006	NH12A	000455	467	3.80	29	18
456	1201011336	Luyện Quang	Minh	01/10/2006	NH12A	000456	582	7.20	54	18
457	1201011341	Nguyễn Hà	My	04/09/2006	NH12A	000457	614	3.60	27	18
458	1201011797	Lê Huy	Nam	10/02/2006	NH12A	000458	739	7.40	56	18
459	1201011348	Nguyễn Thị	Ngân	28/04/2006	NH12A	000459	845	3.40	26	18
460	1201011357	Đồng Minh	Nguyên	06/06/2006	NH12A	000460	173	6.20	47	18
461	1201011620	Vũ Phương	Oanh	05/11/2006	NH12A	000461	201	2.40	18	18
462	1201011375	Nguyễn Tuấn	Phúc	27/04/2006	NH12A	000462			#####	18
463	1201011378	Đàm Quỳnh	Phương	15/04/2006	NH12A	000463	398	9.80	74	18
464	1201011383	Nguyễn Thị Thanh	Phương	29/09/2006	NH12A	000464	467	6.40	48	18
465	1201011393	Phí Như	Quỳnh	09/09/2006	NH12A	000465	582	4.40	33	18
466	1201011395	Nguyễn Hùng	Sơn	16/08/2006	NH12A	000466	614	2.80	21	18
467	1201011415	Bùi Duy	Thông	05/02/2006	NH12A	000467	739	5.40	41	18
468	1201011417	Lương Thị Khánh	Thư	30/03/2006	NH12A	000468	173	5.00	38	18
469	1201011425	Đặng Thu	Trà	04/11/2006	NH12A	000469	201	4.00	30	18
470	1201011631	Phan Anh	Tú	22/10/2006	NH12A	000470	398	5.00	38	18
471	1201011444	Nguyễn Đắc	Tuấn	01/05/2006	NH12A	000471	467	4.40	33	18
472	1201011632	Nguyễn Chí	Uy	25/07/2006	NH12A	000472	582	4.60	35	18
473	1201011465	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/03/2006	NH12A	000473	614	3.80	29	18
474	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	000474			#####	19
475	1201011676	Hồ Thị Quỳnh	Anh	01/09/2005	NH12B	000475	739	7.20	54	19
476	1201011157	Hoàng Kỳ	Anh	13/09/2006	NH12B	000476			#####	19

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
477	1201011159	Hoàng Tuấn	Anh	25/01/2006	NH12B	000477	845	6.00	45	19
478	1201011163	Lê Thị Tú	Anh	15/11/2006	NH12B	000478	173	8.80	66	19
479	1201011169	Nguyễn Lan	Anh	28/08/2006	NH12B	000479	201	3.00	23	19
480	1201011181	Phùng Thị Phương	Anh	26/09/2006	NH12B	000480	398	3.80	29	19
481	1201011191	Lê Gia	Bảo	22/10/2006	NH12B	000481	467	2.80	21	19
482	1201011201	Đoàn Thị	Chinh	20/06/2006	NH12B	000482	582	3.80	29	19
483	1201011583	Nguyễn Tuấn	Đạt	03/04/2006	NH12B	000483	614	3.60	27	19
484	1201011207	Trần Tuấn	Đức	27/09/2006	NH12B	000484	739	2.80	21	19
485	1201011223	Nguyễn Trường	Giang	25/09/2006	NH12B	000485			#####	19
486	1201011237	Nguyễn Ngọc	Hân	28/10/2006	NH12B	000486	845	3.60	27	19
487	1201011248	Vũ Thị Minh	Hiền	14/03/2006	NH12B	000487	173	2.80	21	19
488	1201011253	Hoàng Minh	Hiếu	24/09/2006	NH12B	000488	201	2.20	17	19
489	1201011258	Nông Trung	Hiếu	26/07/2006	NH12B	000489	398	5.00	38	19
490	1201011265	Lê Huy	Hoàng	06/01/2006	NH12B	000490	467	3.80	29	19
491	1201011270	Vũ Thị Thu	Huệ	25/05/2006	NH12B	000491	614	2.60	20	19
492	1201011273	Nguyễn Đức	Hưng	18/01/2006	NH12B	000492	739	4.20	32	19
493	1201011778	Ngô Thị Thúy	Hường	02/11/2006	NH12B	000493	845	5.00	38	19
494	1201011278	Nguyễn Quang	Huy	05/01/2006	NH12B	000494	173	2.80	21	19
495	1201011280	Nông Thái	Huy	20/10/2006	NH12B	000495	201	3.40	26	19
496	1201011590	Lưu Thị	Huyền	27/07/2005	NH12B	000496	398	4.00	30	19
497	1201011289	Phạm Đăng	Khoa	09/11/2006	NH12B	000497	467	4.20	32	19
498	1201011293	Vũ Thành	Liêm	03/01/2006	NH12B	000498	582	5.20	39	20
499	1201011593	Hồ Thị Diệu	Linh	04/01/2006	NH12B	000499	614	3.60	27	20
500	1201011297	Hoàng Khánh	Linh	08/01/2006	NH12B	000500	739	3.20	24	20
501	1201011315	Trần Thị Khánh	Linh	20/12/2006	NH12B	000501	845	3.00	23	20
502	1201011324	Đào Khánh	Ly	30/10/2006	NH12B	000502	173	3.00	23	20
503	1201011340	Lê Thị Trà	My	15/12/2006	NH12B	000503	201	3.20	24	20
504	1201011343	Nguyễn Trà	My	10/01/2006	NH12B	000504	398	3.80	29	20

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
505	1201011345	Trần Hoàng	Nam	19/10/2006	NH12B	000505	467	2.40	18	20
506	1201011353	Đỗ Thị Bích	Ngọc	26/07/2006	NH12B	000506	582	5.00	38	20
507	1201011374	Đặng Thanh	Phúc	06/01/2006	NH12B	000507	614	5.80	44	20
508	1201011376	Nguyễn Việt	Phúc	15/02/2005	NH12B	000508	739	4.00	30	20
509	1201011379	Đào Minh	Phuong	13/02/2006	NH12B	000509	845	4.40	33	20
510	1201011386	Nguyễn Đức	Quân	12/06/2006	NH12B	000510	173	2.60	20	20
511	1201011394	Giáp Hồng	Son	24/07/2006	NH12B	000511	201	6.60	50	20
512	1201011396	Nguyễn Thế	Son	30/12/2005	NH12B	000512	614	5.00	38	20
513	1201011403	Đào Tất	Thắng	20/01/2006	NH12B	000513	398	2.00	15	20
514	1201011418	Nguyễn Anh	Thư	27/02/2006	NH12B	000514	467	4.40	33	20
515	1201011434	Nguyễn Thùy	Trang	03/12/2006	NH12B	000515	582	5.00	38	20
516	1201011443	Hoàng Anh	Tuấn	04/05/2006	NH12B	000516			#####	20
517	1201011447	Trần Bùi	Tuấn	06/06/2006	NH12B	000517	614	6.00	45	20
518	1201011456	Nguyễn Văn	Việt	30/06/2005	NH12B	000518	739	2.00	15	20
519	1201011466	Trần Hải	Yến	08/03/2006	NH12B	000519	845	3.60	27	20
520	1201031781	Doãn Thị Quỳnh	Anh	20/10/2006	QT12A	000520	173	3.80	29	21
521	1201030703	Hồ Vũ Vân	Anh	31/10/2006	QT12A	000521	201	4.00	30	21
522	1201030710	Lưu Ngọc	Anh	11/11/2006	QT12A	000522	398	3.80	29	21
523	1201030715	Nguyễn Đức Duy	Anh	22/05/2006	QT12A	000523			#####	21
524	1201030720	Nguyễn Phú	Anh	18/10/2006	QT12A	000524			#####	21
525	1201030730	Phạm Thị Mai	Anh	17/02/2006	QT12A	000525	467	4.40	33	21
526	1201030748	Doãn Quang	Bách	21/03/2006	QT12A	000526	582	2.80	21	21
527	1201041667	Nguyễn Lâm	Bình	30/10/2006	QT12A	000527	173	3.00	23	21
528	1201030760	Vũ Thị Kim	Chi	24/08/2006	QT12A	000528	201	3.80	29	21
529	1201030767	Triệu Biên	Cương	27/05/2006	QT12A	000529	398	3.40	26	21
530	1201030774	Nguyễn Thành	Đạt	08/11/2006	QT12A	000530			#####	21
531	1201030778	Đỗ Huyền	Diệp	09/04/2006	QT12A	000531	467	2.80	21	21
532	1201030785	Nguyễn Tiến	Đức	18/05/2006	QT12A	000532	582	5.20	39	21

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
533	1201030794	Lương Chí	Dũng	25/08/2006	QT12A	000533			#####	21
534	1201030798	Lê Đan	Dương	13/04/2006	QT12A	000534			#####	21
535	1201030804	Nguyễn Đoàn Phong	Duy	19/04/2006	QT12A	000535	614	4.00	30	21
536	1201030808	Vũ Thị	Duyên	12/02/2006	QT12A	000536	739	2.60	20	21
537	1201031548	Đỗ Ngọc	Hà	08/12/2006	QT12A	000537	845	3.00	23	21
538	1201030817	Phạm Nguyễn Tuấn	Hải	11/01/2003	QT12A	000538	173	4.40	33	21
539	1201030822	Vũ Hồng	Hạnh	20/02/2006	QT12A	000539	201	2.00	15	21
540	1201031733	Bùi Đặng Minh	Hiền	08/10/2006	QT12A	000540	398	4.40	33	21
541	1201030840	Lê Thanh	Hoa	19/06/2006	QT12A	000541	467	5.60	42	21
542	1201030843	Hà Thu	Hoài	27/09/2006	QT12A	000542	582	4.40	33	21
543	1201030848	Đỗ Ánh	Hồng	22/07/2006	QT12A	000543	614	4.60	35	21
544	1201030855	Đồng Mạnh	Hùng	12/09/2006	QT12A	000544	739	3.00	23	21
545	1201031775	Phạm Thị	Hường	01/02/2006	QT12A	000545	845	3.20	24	21
546	1201030879	Đỗ Nam	Khánh	13/03/2006	QT12A	000546			#####	21
547	1201030887	Trịnh Hoàng Phú	Khánh	18/05/2006	QT12A	000547			#####	22
548	1201030891	Trần Việt	Khoa	25/01/2006	QT12A	000548	173	3.00	23	22
549	1201030908	Đỗ Quang	Linh	12/10/2006	QT12A	000549	201	2.40	18	22
550	1201030911	Hoàng Thị Thùy	Linh	12/07/2006	QT12A	000550	398	3.80	29	22
551	1201030933	Phan Thùy	Linh	15/08/2006	QT12A	000551	467	3.00	23	22
552	1201031767	Dương Đức	Long	10/09/2006	QT12A	000552	173	3.00	23	22
553	1201030954	Thắm Phương	Mai	13/05/2006	QT12A	000553	201	6.60	50	22
554	1201030965	Nguyễn Hoàng Anh	Minh	03/07/2006	QT12A	000554			#####	22
555	1201031651	Trần Danh	Minh	08/08/2006	QT12A	000555	398	3.20	24	22
556	1201030972	Vũ Phạm Đức	Minh	28/12/2006	QT12A	000556	467	5.60	42	22
557	1201030982	Vũ Hải	Nam	13/11/2006	QT12A	000557			#####	22
558	1201031562	Chu Đỗ Khánh	Ngọc	28/02/2006	QT12A	000558	582	5.40	41	22
559	1201031009	Nguyễn Quỳnh	Như	04/06/2006	QT12A	000559	614	4.60	35	22
560	1201080597	Võ Hồng	Phúc	24/09/2006	QT12A	000560	739	3.20	24	22

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
561	1201031018 Đỗ Thị Mai	Phương	03/01/2006	QT12A	000561	173	1.60	12	22
562	1201031794 Nguyễn Thị Văn	Phương	11/06/2005	QT12A	000562	201	2.80	21	22
563	1201031037 Nguyễn Thị Lệ	Quyên	03/11/2005	QT12A	000563	398	2.40	18	22
564	1201031043 Nguyễn Duy	Sang	22/07/2006	QT12A	000564	467	4.00	30	22
565	1201031056 Trương Công	Thành	13/01/2001	QT12A	000565	582	3.00	23	22
566	1201031711 Lê Thị	Thảo	12/01/2006	QT12A	000566	614	3.60	27	22
567	1201031070 Hồ Thị	Thoa	05/05/2006	QT12A	000567	739	2.00	15	22
568	1201031684 Nguyễn Thị	Thúy	25/09/2006	QT12A	000568	845	4.40	33	22
569	1201031098 Nguyễn Thị Hà	Trang	15/05/2006	QT12A	000569	173	2.20	17	22
570	1201031106 Tạ Nguyễn Quỳnh	Trang	27/11/2006	QT12A	000570			#####	22
571	1201031110 Hà Tuấn	Triệu	30/11/2006	QT12A	000571	201	3.80	29	22
572	1201031122 Vũ Anh	Tuấn	25/07/2006	QT12A	000572	398	3.40	26	22
573	1201031130 Bùi Phạm Phương	Uyên	14/05/2006	QT12A	000573	467	5.60	42	22
574	1201031143 Nguyễn Long	Vũ	12/08/2006	QT12A	000574			#####	22
575	1201030706 Lê Đức	Anh	02/03/2006	QT12B	000575	582	3.60	27	23
576	1201030712 Mai Đức	Anh	01/02/2006	QT12B	000576	614	5.20	39	23
577	1201031814 Nguyễn Hoài	Anh	11/05/2006	QT12B	000577	739	5.80	44	23
578	1201030733 Quách Thị Phương	Anh	07/10/2006	QT12B	000578	845	2.80	21	23
579	1201030749 Phạm Băng	Băng	13/06/2006	QT12B	000579	173	3.60	27	23
580	1201030770 Trịnh Đình	Cường	08/12/2005	QT12B	000580			#####	23
581	1201030782 Nguyễn Anh	Đức	11/03/2005	QT12B	000581	201	4.00	30	23
582	1201030790 Hoàng Ngọc	Dung	15/05/2006	QT12B	000582	398	3.40	26	23
583	1201030800 Nguyễn Khánh	Dương	21/05/2006	QT12B	000583	467	3.20	24	23
584	1201030805 Nguyễn Đức	Duy	02/08/2001	QT12B	000584			#####	23
585	1201030809 Trần Hương	Giang	30/11/2006	QT12B	000585	845	4.00	30	23
586	1201031662 Nguyễn Văn	Hà	07/09/2006	QT12B	000586			#####	23
587	1201030818 Đinh Thị Thanh	Hằng	04/10/2006	QT12B	000587	173	4.40	33	23
588	1201030832 Hà Văn	Hiếu	24/04/2006	QT12B	000588			#####	23

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
589	1201030841 Nguyễn Thị	Hoa	11/07/2006	QT12B	000589	201	3.00	23	23
590	1201030844 Nguyễn Thị	Hoài	12/07/2006	QT12B	000590	398	4.60	35	23
591	1201030851 Cao Đình	Huân	24/08/2006	QT12B	000591	467	3.20	24	23
592	1201030852 Nguyễn Thị	Huệ	11/07/2006	QT12B	000592	582	3.20	24	23
593	1201030856 Ngô Việt	Hùng	01/10/2006	QT12B	000593	614	4.20	32	23
594	1201031650 Nguyễn Trung	Hưng	18/10/2006	QT12B	000594	739	4.40	33	23
595	1201030868 Nguyễn Quang	Huy	09/07/2006	QT12B	000595	845	3.80	29	23
596	1201030882 Nguyễn Duy	Khánh	03/06/2006	QT12B	000596	173	6.80	51	23
597	1201030889 Vũ Quang Nam	Khánh	24/10/2006	QT12B	000597	201	6.80	51	23
598	1201031636 Nguyễn Trung	Kiên	29/09/2003	QT12B	000598	398	3.60	27	24
599	1201030909 Đỗ Thị Diệu	Linh	28/08/2006	QT12B	000599	467	4.00	30	24
600	1201030919 Nguyễn Lê Phương	Linh	17/12/2006	QT12B	000600	582	3.80	29	24
601	1201030931 Phạm Thùy	Linh	15/02/2006	QT12B	000601	614	2.40	18	24
602	1201030934 Tô Thị Yến	Linh	25/12/2006	QT12B	000602	739	3.80	29	24
603	1201030944 Nhữ Ngọc	Long	26/03/2006	QT12B	000603			#####	24
604	1201030947 Nguyễn Hữu Thành	Luân	28/04/2006	QT12B	000604	845	2.60	20	24
605	1201030970 Trần Quang	Minh	08/02/2006	QT12B	000605	173	4.40	33	24
606	1201031560 Lê Đặng Trà	My	20/10/2006	QT12B	000606	201	4.80	36	24
607	1201030983 Trịnh Kế	Năng	09/01/2005	QT12B	000607	398	2.60	20	24
608	1201030995 Doãn Thị	Ngọc	10/09/2006	QT12B	000608	467	4.00	30	24
609	1201031003 Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	01/10/2006	QT12B	000609	582	4.00	30	24
610	1201031012 Lưu Hồng	Nhung	27/12/2006	QT12B	000610	614	4.60	35	24
611	1201031038 Nguyễn Thị Thu	Quyên	21/03/2006	QT12B	000611	739	7.20	54	24
612	1201031051 Dương Duy	Thái	01/09/2006	QT12B	000612	845	7.20	54	24
613	1201031057 Đào Thị Phương	Thảo	28/10/2006	QT12B	000613	173	4.60	35	24
614	1201031071 Đặng Kim	Thu	10/10/2006	QT12B	000614	201	2.80	21	24
615	1201031574 Đào Thanh	Trà	23/11/2006	QT12B	000615	398	3.00	23	24
616	1201031099 Nguyễn Thị Hồng	Trang	26/05/2006	QT12B	000616	467	4.40	33	24

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
617	1201031107	Trịnh Thùy	Trang	21/09/2006	QT12B	000617	582	3.40	26	24
618	1201031111	Nguyễn Quốc	Triệu	26/09/2006	QT12B	000618	614	2.40	18	24
619	1201031127	Trần Anh	Tuyên	05/05/2006	QT12B	000619	739	2.60	20	24
620	1201031132	Hà Thị Mỹ	Uyên	19/10/2006	QT12B	000620	398	3.40	26	24
621	1201031150	Lê Ngọc	Yến	31/01/2006	QT12B	000621	201	3.20	24	24
622	1201030702	Dương Thị Quỳnh	Anh	14/09/2006	QT12C	000622	173	2.20	17	25
623	1201030707	Lê Hồ Tuyết	Anh	20/10/2006	QT12C	000623	845	4.40	33	25
624	1201030713	Nguyễn Bùi Phương	Anh	21/04/2006	QT12C	000624	739	1.60	12	25
625	1201030719	Nguyễn Như Quỳnh	Anh	13/03/2006	QT12C	000625	614	2.60	20	25
626	1201030725	Nguyễn Thị Phương	Anh	05/02/2006	QT12C	000626			#####	25
627	1201030734	Quản Vân	Anh	10/07/2006	QT12C	000627	582	2.80	21	25
628	1201030746	Vũ Ngọc	Ánh	29/01/2006	QT12C	000628	467	3.40	26	25
629	1201031769	Nguyễn Đức	Cánh	13/03/2006	QT12C	000629			#####	25
630	1201030771	Bùi Hồng	Đặng	17/10/2006	QT12C	000630	398	3.60	27	25
631	1201030777	Vũ Tiến	Đạt	25/12/2005	QT12C	000631	201	3.20	24	25
632	1201030783	Nguyễn Hữu Phú	Đức	13/07/2006	QT12C	000632	173	3.40	26	25
633	1201030792	Phạm Thị Thùy	Dung	30/10/2006	QT12C	000633	845	2.40	18	25
634	1201030797	Đinh Thùy	Dương	22/03/2006	QT12C	000634	739	2.60	20	25
635	1201030803	Phạm Văn Hoàng	Dương	14/02/2006	QT12C	000635	614	4.60	35	25
636	1201030806	Nguyễn Hoàng	Duy	06/01/2006	QT12C	000636	467	3.20	24	25
637	1201030810	Chu Thị	Hà	13/05/2006	QT12C	000637	582	3.60	27	25
638	1201030816	Phạm Nam	Hải	18/09/2006	QT12C	000638	467	3.20	24	25
639	1201030819	Mai Thị	Hằng	05/11/2005	QT12C	000639	398	1.40	11	25
640	1201030834	Nguyễn Trung	Hiếu	25/07/1999	QT12C	000640			#####	25
641	1201031553	Bế Thị Thu	Hoài	22/04/2006	QT12C	000641	201	3.80	29	25
642	1201031764	Nguyễn Huy	Hoàng	22/07/2006	QT12C	000642	173	2.20	17	25
643	1201030857	Nguyễn Mạnh	Hùng	27/11/2006	QT12C	000643	845	5.20	39	25
644	1201030860	Đỗ Duy	Hưng	29/09/2006	QT12C	000644			#####	25

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
645	1201031660 Nguyễn Văn	Hung	05/12/2006	QT12C	000645			#####	25
646	1201030873 Nguyễn Thị Khánh	Huyền	25/04/2006	QT12C	000646	739	4.20	32	25
647	1201030885 Trần Văn	Khánh	02/09/2006	QT12C	000647	614	4.60	35	25
648	1201030890 Lý Duy	Khoa	15/09/2006	QT12C	000648	582	4.60	35	26
649	1201030900 Phạm Chi	Lan	12/04/2006	QT12C	000649	467	4.40	33	26
650	1201030904 Đào Khánh	Linh	20/03/2006	QT12C	000650			#####	26
651	1201030926 Nguyễn Thị Ngọc	Linh	21/04/2006	QT12C	000651	398	3.00	23	26
652	1201030932 Phan Thị Dương	Linh	16/09/2006	QT12C	000652	201	5.20	39	26
653	1201030946 Vũ Xuân Hoàng	Long	15/02/2006	QT12C	000653	173	6.60	50	26
654	1201030950 Dương Ánh	Ly	07/08/2006	QT12C	000654	173	6.80	51	26
655	1201030959 Nguyễn Đức	Mạnh	17/02/2006	QT12C	000655	201	6.40	48	26
656	1201021804 Mai Kim Thành	Minh	09/12/2006	QT12C	000656	398	6.80	51	26
657	1201030971 Trịnh Bảo	Minh	15/07/2006	QT12C	000657			#####	26
658	1201030974 Nguyễn Thị Trà	My	10/03/2006	QT12C	000658	467	7.20	54	26
659	1201030997 Lê Hà Tuấn	Ngọc	21/08/2006	QT12C	000659	582	6.80	51	26
660	1201031007 Phạm Thị Yến	Nhi	03/09/2006	QT12C	000660	614	6.20	47	26
661	1201031035 Vũ Đức	Quân	05/03/2005	QT12C	000661	739	2.80	21	26
662	1201031041 Nguyễn Thị Như	Quỳnh	09/09/2006	QT12C	000662	845	3.40	26	26
663	1201031052 Nguyễn Đình	Thái	27/11/2006	QT12C	000663	398	3.20	24	26
664	1201031058 Đỗ Bích	Thảo	15/11/2006	QT12C	000664	173	3.60	27	26
665	1201031068 Nguyễn Đức	Thọ	17/11/2006	QT12C	000665	201	4.00	30	26
666	1201031089 Bùi Huyền	Trang	13/09/2006	QT12C	000666	398	2.40	18	26
667	1201031096 Nguyễn Quỳnh	Trang	01/01/2006	QT12C	000667	467	7.00	53	26
668	1201020438 Nguyễn Quỳnh	Trang	04/12/2006	QT12C	000668	582	7.00	53	26
669	1201031101 Nguyễn Thị Thu	Trang	18/10/2006	QT12C	000669	614	6.80	51	26
670	1201031109 Vũ Thị Huyền	Trang	27/11/2006	QT12C	000670	739	5.60	42	26
671	1201031121 Phạm Đức Thái	Tuấn	28/09/2006	QT12C	000671	845	5.80	44	26
672	1201031129 Nguyễn Văn	Ước	28/03/2006	QT12C	000672	173	2.80	21	26

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
673	1201030695	Đỗ Thành	An	12/12/2006	QM12A	000673	201	2.40	18	27
674	1201030705	Hoàng Thị Mai	Anh	16/11/2006	QM12A	000674			#####	27
675	1201030716	Nguyễn Hà Hoàng	Anh	09/04/2006	QM12A	000675			#####	27
676	1201031779	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/08/2006	QM12A	000676	398	3.20	24	27
677	1201030729	Phạm Phương	Anh	09/01/2006	QM12A	000677	467	5.60	42	27
678	1201030738	Trần Việt	Anh	20/07/2006	QM12A	000678			#####	27
679	1201030740	Vũ Đặng Châu	Anh	30/04/2005	QM12A	000679	582	2.60	20	27
680	1201030753	Lý Mạnh	Cao	22/10/2006	QM12A	000680	614	3.60	27	27
681	1201030756	Nguyễn Minh	Châu	07/02/2006	QM12A	000681			#####	27
682	1201030766	Đoàn Đại	Cương	08/09/2006	QM12A	000682			#####	27
683	1201030781	Ngô Minh	Đức	30/07/2006	QM12A	000683			#####	27
684	1201030787	Phạm Văn	Đức	26/09/2006	QM12A	000684	739	3.00	23	27
685	1201030796	Đặng Thùy	Dương	02/10/2006	QM12A	000685	845	3.60	27	27
686	1201030807	Trương Thị Mỹ	Duyên	10/09/2006	QM12A	000686	173	2.40	18	27
687	1201031643	Nguyễn Trường	Giang	24/03/2004	QM12A	000687	201	3.40	26	27
688	1201030813	Phí Thu	Hà	23/10/2006	QM12A	000688	173	2.60	20	27
689	1201030825	Nguyễn Hữu	Hào	23/11/2006	QM12A	000689	201	2.20	17	27
690	1201030835	Phạm Trần	Hiếu	25/12/2006	QM12A	000690	398	3.80	29	27
691	1201030845	Phạm Quốc	Hoan	05/06/2006	QM12A	000691			#####	27
692	1201030859	Đinh Văn	Hưng	14/04/2006	QM12A	000692	467	3.40	26	27
693	1201030865	Vũ Thị	Hương	17/09/2006	QM12A	000693	582	3.20	24	27
694	1201030901	Cao Thị Hồng	Liên	28/07/2006	QM12A	000694			#####	27
695	1201030906	Đinh Phương	Linh	31/08/2006	QM12A	000695	739	3.40	26	27
696	1201030915	Nguyễn Diệu	Linh	18/08/2006	QM12A	000696	845	2.60	20	27
697	1201030922	Nguyễn Thị	Linh	19/08/2006	QM12A	000697			#####	27
698	1201030930	Phạm Thị Khánh	Linh	03/12/2006	QM12A	000698	173	4.40	33	27
699	1201031742	Chu Huy	Long	02/06/2006	QM12A	000699	201	4.20	32	27
700	1201031798	Phạm Hoàng	Long	24/07/2006	QM12A	000700	398	6.20	47	28

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
701	1201030949 Đào Thị Cẩm	Ly	02/10/2006	QM12A	000701	467	4.00	30	28
702	1201030953 Nguyễn Hoàng Tuyết	Mai	05/08/2006	QM12A	000702	582	3.20	24	28
703	1201031649 Đinh Quang	Minh	02/10/1999	QM12A	000703	614	3.60	27	28
704	1201030968 Phạm Công	Minh	23/07/2006	QM12A	000704	739	3.20	24	28
705	1201030975 Nguyễn Thị Trà	My	08/10/2006	QM12A	000705	845	3.60	27	28
706	1201030989 Phạm Ngọc	Ngân	24/05/2006	QM12A	000706	173	3.60	27	28
707	1201031661 Đặng Khánh	Ngọc	24/02/2006	QM12A	000707	201	2.60	20	28
708	1201031001 Đinh Thị Minh	Nguyệt	22/03/2006	QM12A	000708	398	2.60	20	28
709	1201031015 Trần Kim	Oanh	19/09/2006	QM12A	000709	467	3.20	24	28
710	1201031019 Dương Thị Hà	Phuong	12/09/2006	QM12A	000710	582	2.60	20	28
711	1201031026 Phạm Hà	Phuong	11/07/2006	QM12A	000711	614	6.40	48	28
712	1201031039 Vũ Thị Lệ	Quyên	02/08/2006	QM12A	000712	614	3.60	27	28
713	1201031605 Trần Hoài	Son	15/09/2006	QM12A	000713	173	3.40	26	28
714	1201031053 Nguyễn Văn	Thái	05/06/2006	QM12A	000714	201	2.20	17	28
715	1201031059 Đoàn Thị Phương	Thảo	28/09/2006	QM12A	000715	398	3.20	24	28
716	1201031064 Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/11/2006	QM12A	000716	467	2.60	20	28
717	1201031075 Trần Thị	Thu	12/08/2006	QM12A	000717	582	3.00	23	28
718	1201031078 Đỗ Thị	Thùy	29/10/2006	QM12A	000718	614	2.80	21	28
719	1201031083 Đặng Thị Thanh	Thùy	03/09/2006	QM12A	000719	739	2.80	21	28
720	1201031087 Lê Thị	Trà	15/05/2006	QM12A	000720	845	3.00	23	28
721	1201031093 Ngô Thị Kiều	Trang	21/03/2006	QM12A	000721			#####	28
722	1201031112 Đặng Thị	Trinh	29/01/2006	QM12A	000722	173	4.00	30	28
723	1201031576 Nguyễn Như Cẩm	Tú	28/09/2006	QM12A	000723	201	4.80	36	28
724	1201031125 Nguyễn Xuân	Tùng	17/11/2006	QM12A	000724	398	3.80	29	28
725	1201031134 Nguyễn Phương	Uyên	12/10/2005	QM12A	000725			#####	28
726	1201031137 Nguyễn Văn	Vĩ	12/07/2006	QM12A	000726	739	2.80	21	28
727	1201031816 Lê Quang	Vinh	25/01/2004	QM12A	000727	614	2.40	18	28
728	1201030709 Lê Thị Ngọc	Anh	20/09/2006	QM12B	000728	582	2.80	21	29

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
729	1201030724	Nguyễn Quỳnh	Anh	10/04/2006	QM12B	000729	467	3.60	27	29
730	1201031536	Nguyễn Trâm	Anh	09/02/2006	QM12B	000730	845	4.20	32	29
731	1201031668	Trần Đức	Anh	27/09/2006	QM12B	000731	173	3.00	23	29
732	1201030739	Trương Thị Mai	Anh	08/12/2006	QM12B	000732	201	3.00	23	29
733	1201030741	Vũ Lan	Anh	17/02/2006	QM12B	000733	467	2.60	20	29
734	1201030754	Phan Thùy	Châm	08/05/2006	QM12B	000734	582	1.60	12	29
735	1201030761	Đinh Thị	Chiều	09/09/2006	QM12B	000735	614	6.80	51	29
736	1201030795	Chu Thùy	Dương	09/08/2005	QM12B	000736	739	4.80	36	29
737	1201030799	Lê Đăng	Dương	04/08/2006	QM12B	000737			#####	29
738	1201031547	Nguyễn Thị Hương	Giang	30/06/2006	QM12B	000738	398	5.20	39	29
739	1201030811	Hoàng Thị Ngọc	Hà	21/11/2006	QM12B	000739	845	4.20	32	29
740	1101030537	Lưu Thu	Hà	23/01/2005	QM12B	000740	173	4.40	33	29
741	1201030824	Lê Thanh	Hào	17/12/2006	QM12B	000741	201	3.40	26	29
742	1201030826	Nguyễn Thanh	Hiên	07/08/2006	QM12B	000742	398	5.40	41	29
743	1201030836	Trần Trung	Hiếu	12/01/2006	QM12B	000743	582	5.40	41	29
744	1201031674	Chu Mạnh	Hùng	15/01/2006	QM12B	000744	467	3.20	24	29
745	1201031554	Lưu Thị	Huyền	20/06/2005	QM12B	000745	614	2.00	15	29
746	1201030895	Nguyễn Văn	Kiên	27/07/2006	QM12B	000746	739	2.40	18	29
747	1201030896	Trần Thanh	Lâm	08/02/2005	QM12B	000747			#####	29
748	1201030905	Đinh Nguyễn Hải	Linh	19/03/2006	QM12B	000748			#####	29
749	1201030914	Ngô Thị	Linh	04/01/2006	QM12B	000749	173	5.60	42	29
750	1201030916	Nguyễn Hà Khánh	Linh	05/09/2006	QM12B	000750	201	6.00	45	29
751	1201030924	Nguyễn Thị Khánh	Linh	13/11/2006	QM12B	000751	398	3.40	26	29
752	1201030927	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2006	QM12B	000752	467	4.00	30	29
753	1201030929	Phạm Thị	Linh	18/10/2006	QM12B	000753	614	3.00	23	29
754	1201031647	Phan Ngọc	Linh	19/04/2006	QM12B	000754	739	4.20	32	30
755	1201031679	Lâm Khánh Bảo	Long	12/04/2006	QM12B	000755	845	4.60	35	30
756	1201030945	Vũ Gia	Long	18/01/2006	QM12B	000756			#####	30

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
757	1201031642 Lê Tuyết	Mai	10/11/2006	QM12B	000757	201	4.40	33	30
758	1201030964 Nguyễn Hoàng	Minh	13/03/2006	QM12B	000758	398	3.60	27	30
759	1201030993 Phạm Thị	Ngoan	19/10/2006	QM12B	000759	582	3.80	29	30
760	1201030999 Lương Minh	Ngọc	22/07/2006	QM12B	000760	614	3.40	26	30
761	1201031766 Nguyễn Thị	Oanh	11/06/2006	QM12B	000761	467	3.40	26	30
762	1201031017 Trần Hồng	Phúc	31/10/2006	QM12B	000762	582	4.20	32	30
763	1201031020 Lê Thị Thu	Phuong	29/10/2006	QM12B	000763	614	4.40	33	30
764	1201031027 Đinh Thị	Phượng	02/09/2006	QM12B	000764			#####	30
765	1201031036 Nguyễn Đức	Quang	07/08/2006	QM12B	000765	845	4.40	33	30
766	1201030667 Đỗ Ngọc	Sáng	22/11/2006	QM12B	000766	173	7.00	53	30
767	1201031046 Phạm Thái	Son	21/07/2006	QM12B	000767	201	6.40	48	30
768	1201031569 Lê Thanh	Tâm	06/06/2006	QM12B	000768	845	2.80	21	30
769	1201031055 Phạm Tiến	Thành	08/09/2006	QM12B	000769			#####	30
770	1201031077 Ngô Thị Minh	Thuy	11/09/2006	QM12B	000770	398	4.20	32	30
771	1201031079 Nguyễn Thị Thanh	Thủy	04/07/2006	QM12B	000771	467	4.40	33	30
772	1201031082 Nguyễn Thu	Thúy	16/12/2006	QM12B	000772	173	3.00	23	30
773	1201031085 Nguyễn Văn	Tiến	14/06/2006	QM12B	000773	201	3.00	23	30
774	1201031091 Hà Kiều	Trang	06/06/2003	QM12B	000774	398	4.20	32	30
775	1201031095 Nguyễn Quỳnh	Trang	08/12/2006	QM12B	000775	467	5.60	42	30
776	1201031575 Nguyễn Việt	Trinh	19/09/2006	QM12B	000776	582	3.60	27	30
777	1201031116 Nguyễn Thanh	Tú	25/09/2006	QM12B	000777	614	4.60	35	30
778	1201031753 Bùi Ngọc	Tuyển	06/08/2006	QM12B	000778	739	2.40	18	30
779	1001020324 Lò Hà	Trung	27/12/2004	KD10C	000779	845	7.00	53	31
780	1201081639 Nguyễn Thu	An	07/03/2006	TM12A	000780	173	5.60	42	31
781	1201080541 Lê Tuấn	Anh	09/04/2006	TM12A	000781			#####	31
782	1201080545 Trần Thị Vân	Anh	23/07/2006	TM12A	000782	201	4.00	30	31
783	1201080546 Trương Hà	Anh	28/12/2006	TM12A	000783	398	5.40	41	31
784	1201081526 Vũ Quỳnh	Anh	08/09/2006	TM12A	000784	467	2.20	17	31

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
785	1201081793 Nguyễn Công	Bách	11/09/2006	TM12A	000785	582	4.80	36	31
786	1201030765 Đặng Biên	Cương	14/04/2006	TM12A	000786	614	6.60	50	31
787	1201080550 Nguyễn Bá	Đức	10/09/2006	TM12A	000787	739	7.00	53	31
788	1201080551 Nguyễn Minh	Đức	07/10/2006	TM12A	000788	845	2.80	21	31
789	1201080552 Phạm Hoàng	Đức	02/02/2006	TM12A	000789	173	4.80	36	31
790	1201081718 Trương Thanh	Đức	08/03/2006	TM12A	000790	201	2.60	20	31
791	1201080554 Ngô Hoàng Ánh	Dương	07/01/2006	TM12A	000791	398	2.20	17	31
792	1201080555 Phạm Quang	Dương	24/12/2006	TM12A	000792			#####	31
793	1201080557 Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	22/10/2006	TM12A	000793	467	3.80	29	31
794	1201080558 Phạm Mỹ	Duyên	07/12/2006	TM12A	000794	582	5.40	41	31
795	1201080560 Nguyễn Thị Ngân	Giang	08/07/2006	TM12A	000795	614	4.00	30	31
796	1201081788 Đỗ Thị Thu	Huệ	04/04/2006	TM12A	000796	739	3.40	26	31
797	1201080565 Lê Thế	Hưng	21/08/2006	TM12A	000797	845	5.40	41	31
798	1201080567 Lê Thị Mỹ	Linh	24/08/2006	TM12A	000798	173	4.80	36	31
799	1201080568 Lương Thùy	Linh	26/10/2006	TM12A	000799	201	4.60	35	31
800	1201081720 Ngô Mai	Linh	21/12/2006	TM12A	000800	398	6.00	45	31
801	1201080569 Ngô Thị Phương	Linh	26/03/2006	TM12A	000801	467	5.00	38	31
802	1201080573 Nguyễn Tuấn	Long	04/03/2006	TM12A	000802	582	3.20	24	31
803	1201081765 Đỗ Thị Thanh	Mai	18/04/2006	TM12A	000803	614	4.60	35	31
804	1201080579 Trần Thanh	Mai	09/10/2006	TM12A	000804	739	2.80	21	31
805	1001020972 Trương Thị Hồng	Hoa	01/11/2004	KD10E	000805	173	3.40	26	32
806	1001030502 Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	000806	201	2.20	17	32
807	1201080580 Nguyễn Đức	Mạnh	12/12/2006	TM12A	000807	398	4.80	36	32
808	1201080581 Vũ Duy	Mạnh	07/12/2005	TM12A	000808	467	6.40	48	32
809	1201080582 Đỗ Thị Ngọc	Minh	16/05/2004	TM12A	000809	582	7.20	54	32
810	1201080583 Nguyễn Trà	My	06/11/2006	TM12A	000810	614	6.40	48	32
811	1201080585 Nguyễn Thu	Ngân	06/09/2006	TM12A	000811	739	6.00	45	32
812	1201080586 Lê Hồng	Ngọc	19/12/2006	TM12A	000812	845	6.00	45	32

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
813	1201081664 Nguyễn Thị Quỳnh	Như	03/02/2006	TM12A	000813	173	5.00	38	32
814	1201080594 Vũ Trang	Nhung	24/09/2006	TM12A	000814	201	4.20	32	32
815	1201080595 Bùi Thị Kim	Oanh	02/09/2006	TM12A	000815	398	3.40	26	32
816	1201081812 Mai Thiên	Tài	04/08/2006	TM12A	000816	467	3.40	26	32
817	1201080602 Lê Phương	Thảo	25/09/2006	TM12A	000817	582	6.00	45	32
818	1201081604 Ngô Thanh	Thảo	22/09/2006	TM12A	000818	614	6.20	47	32
819	1201080603 Nguyễn Thu	Thảo	24/11/2006	TM12A	000819	739	5.20	39	32
820	1201081799 Dương Đình	Thị	14/06/2004	TM12A	000820			#####	32
821	1201080604 Hoàng Thị Mến	Thương	20/07/2006	TM12A	000821	173	5.00	38	32
822	1201080608 Nguyễn Thị Thanh	Thúy	31/05/2006	TM12A	000822	201	4.00	30	32
823	1201081534 Lê Ánh	Thùy	27/02/2006	TM12A	000823	398	3.40	26	32
824	1201080609 Nguyễn Bích	Thùy	04/04/2005	TM12A	000824	467	3.00	23	32
825	1201020432 Lê Mai	Trang	14/11/2006	TM12A	000825	582	3.20	24	32
826	1201080612 Lê Thị Thu	Trang	23/02/2006	TM12A	000826	614	6.20	47	32
827	1201080615 Nguyễn Thị Phương	Uyên	15/12/2006	TM12A	000827	739	4.00	30	32
828	1201080620 Đào Thị	Yến	18/04/2006	TM12A	000828	845	2.80	21	32
829	1201080621 Doãn Hải	Yến	11/07/2006	TM12A	000829	173	4.60	35	32
830	1201070623 Đặng Thái	Anh	12/09/2006	KL12A	000830	201	3.40	26	33
831	1201070625 Lưu Quỳnh	Anh	05/06/2006	KL12A	000831	398	3.00	23	33
832	1201070637 Hoàng Thị Thu	Hiền	21/01/2006	KL12A	000832	467	3.20	24	33
833	1201070638 Nguyễn Thu	Hiền	21/05/2006	KL12A	000833	582	5.80	44	33
834	1201070639 Lê Trung	Hiếu	01/06/2006	KL12A	000834	614	2.20	17	33
835	1201070641 Nguyễn Thị	Huế	27/07/2006	KL12A	000835	739	6.00	45	33
836	1201070642 Đinh Quang	Huy	06/03/2006	KL12A	000836	845	3.60	27	33
837	1201070656 Hoàng Khánh	Ngọc	27/08/2006	KL12A	000837	739	3.60	27	33
838	1201070661 Thiều Quý	Phúc	02/04/2005	KL12A	000838	467	2.00	15	33
839	1201070681 Trần Thị Quỳnh	Trang	11/11/2006	KL12A	000839	173	8.80	66	33
840	1201070690 Đào Hải	Yến	24/09/2006	KL12A	000840	201	8.40	63	33

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
841	1201070628 Vũ Tú	Anh	04/01/2006	QL12A	000841	398	3.00	23	33
842	1201070631 Hoàng Thị Linh	Chiên	06/03/2006	QL12A	000842	467	5.80	44	33
843	1201070632 Nguyễn Quốc	Cường	05/05/2006	QL12A	000843	582	6.20	47	33
844	1201070636 Phạm Thu	Hà	13/06/2006	QL12A	000844	614	5.00	38	33
845	1201070644 Trần Thị Phương	Lan	19/02/2006	QL12A	000845	739	4.20	32	33
846	1201070647 Lê Thị Mỹ	Linh	10/10/2006	QL12A	000846	845	4.00	30	33
847	1201070649 Phạm Công	Linh	17/10/2006	QL12A	000847	173	8.80	66	33
848	1201070658 Nguyễn Hồng	Nhung	09/07/2006	QL12A	000848	201	3.20	24	33
849	1201070663 Nguyễn Thị	Phương	31/05/2006	QL12A	000849	398	3.80	29	33
850	1201070668 Tạ Khắc	Sơn	05/12/2006	QL12A	000850	467	4.40	33	33
851	1201070671 Hà Phương	Thanh	13/07/2006	QL12A	000851	582	6.40	48	33
852	1201070672 Nguyễn Thu	Thảo	11/10/2006	QL12A	000852	614	4.60	35	33
853	1201070677 Ngô Thị Hương	Trà	28/12/2006	QL12A	000853	739	5.20	39	33
854	1201070680 Lê Huyền	Trang	02/02/2006	QL12A	000854	845	4.80	36	33
855	1201070682 Đinh Vũ Việt	Trình	01/10/2006	QL12A	000855	173	4.00	30	33
856	1201070687 Hoàng Quốc	Việt	03/02/2005	QL12A	000856	201	3.40	26	33
857	1201070688 Nguyễn Thành	Vinh	02/02/2006	QL12A	000857	398	4.60	35	33
858	1201070689 Hồ Thảo	Vy	28/10/2006	QL12A	000858	467	5.40	41	33
859	1201061519 Bùi Xuân	An	10/01/2006	KA12A	000859	582	7.60	57	34
860	1201060492 Phạm Thị Ngọc	Anh	10/06/2006	KA12A	000860	614	5.40	41	34
861	1201061634 Tăng Hà Kiều	Anh	04/05/2006	KA12A	000861	739	5.80	44	34
862	1201061522 Trịnh Thị Yến	Chi	11/02/2006	KA12A	000862	845	2.40	18	34
863	1201060496 Nguyễn Anh	Dũng	19/08/2006	KA12A	000863	845	4.80	36	34
864	1201061523 Nguyễn Tiến	Dũng	18/05/2006	KA12A	000864			#####	34
865	1201060497 Hoàng Thị	Duyên	05/08/2006	KA12A	000865	614	4.00	30	34
866	1201060499 Nguyễn Hương	Giang	28/12/2006	KA12A	000866	582	4.40	33	34
867	1201060504 Lê Thanh	Hoa	19/07/2006	KA12A	000867	398	4.80	36	34
868	1201060505 Nguyễn Đức	Hoàng	29/06/2006	KA12A	000868	467	4.20	32	34

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
869	1201061525 Phan Huy	Hoàng	10/10/2006	KA12A	000869	201	4.20	32	34
870	1201060507 Đoàn Quang	Huy	04/07/2006	KA12A	000870	173	3.40	26	34
871	1201060511 Lê Thị Hoài	Linh	01/01/2006	KA12A	000871	614	3.80	29	34
872	1201060513 Nguyễn Khánh	Ly	09/05/2006	KA12A	000872	582	4.80	36	34
873	1201060515 Nguyễn Hồng	Minh	27/10/2006	KA12A	000873			#####	34
874	1201060516 Lưu Quỳnh	Nga	05/04/2006	KA12A	000874	467	6.00	45	34
875	1201060517 Nguyễn Thị Phương	Nga	14/02/2006	KA12A	000875	398	6.00	45	34
876	1201060518 Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	01/09/2006	KA12A	000876	201	4.80	36	34
877	1201060519 Lèng Thái	Nguyễn	25/10/2006	KA12A	000877	173	3.00	23	34
878	1201060520 Ngô Long	Nhật	27/10/2003	KA12A	000878	845	4.40	33	34
879	1201060523 Đào Thị	Quỳnh	16/05/2006	KA12A	000879	739	3.80	29	34
880	1201060524 Phạm Thanh	Tâm	17/07/2006	KA12A	000880	614	4.20	32	34
881	1201060525 Lê Thị Thu	Thảo	31/07/2006	KA12A	000881	582	4.20	32	34
882	1201060526 Nguyễn Thanh	Thảo	11/11/2006	KA12A	000882	467	3.00	23	34
883	1201060527 Bùi Ánh	Thư	25/07/2006	KA12A	000883	398	5.00	38	34
884	1201060529 Đoàn Phúc	Toàn	01/11/2005	KA12A	000884	201	3.20	24	34
885	1201060532 Nguyễn Thị Kiều	Trang	05/05/2006	KA12A	000885	173	4.20	32	34
886	1201060533 Nguyễn Đức	Trung	12/02/2006	KA12A	000886	845	4.20	32	34
887	1201060534 Vương Tuấn	Tú	04/09/2006	KA12A	000887	739	3.20	24	34
888	1201060535 Vũ Duy	Vũ	23/06/2006	KA12A	000888	614	3.60	27	34
889	1201060537 Vũ Thị Thảo	Vy	16/11/2005	KA12A	000889	582	4.00	30	34
890	1201020063 Nguyễn Châu	Anh	06/03/2006	KC12A	000890	467	3.40	26	35
891	1201020071 Nguyễn Quỳnh	Anh	17/11/2006	KC12A	000891	398	5.40	41	35
892	1201020082 Phạm Trần Hải	Anh	11/11/2006	KC12A	000892	201	3.60	27	35
893	1201020099 Vương Thị Ngọc	Ánh	03/12/2006	KC12A	000893	173	3.20	24	35
894	1201020121 Đỗ Trung	Đoàn	20/11/2006	KC12A	000894	845	2.60	20	35
895	1201020122 Bùi Minh	Đức	22/05/2006	KC12A	000895	739	3.40	26	35
896	1201020124 Lục Hoàng Thùy	Dung	02/07/2006	KC12A	000896	739	3.40	26	35

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
897	1201020129	Trần Trung	Dũng	12/11/2006	KC12A	000897	845	1.40	11	35
898	1201020259	Trương Ngọc	Linh	25/12/2006	KC12A	000898	173	3.80	29	35
899	1201020282	Bùi Thanh	Mai	27/07/2006	KC12A	000899	201	4.00	30	35
900	1201020294	Lê Quang	Minh	25/09/2003	KC12A	000900	398	2.80	21	35
901	1201020376	Nguyễn Mai	Tâm	02/01/2006	KC12A	000901	467	3.80	29	35
902	1201021511	Nguyễn Minh	Thu	14/08/2006	KC12A	000902	582	6.60	50	35
903	1201020472	Nguyễn Huyền	Vi	17/09/2006	KC12A	000903	614	6.20	47	35
904	1001070453	Hàn Quốc	Tuấn	21/04/2004	KL11A	000904	739	4.40	33	35
905	1001030496	Nguyễn Đức	Biên	27/09/2004	QT10B	000905	845	2.40	18	35
906	1201040003	Đỗ Duy	Anh	29/11/2004	CT12A	000906	582	2.00	15	36
907	1201040006	Lê Đỗ Kiều	Anh	24/10/2006	CT12A	000907	173	3.20	24	36
908	1201040009	Vũ Thị Hồng	Ánh	16/06/2006	CT12A	000908	201	5.80	44	36
909	1201040012	Lê Đăng	Định	01/07/2005	CT12A	000909	398	3.60	27	36
910	1201040016	Nguyễn Trường	Giang	09/11/2006	CT12A	000910	467	4.20	32	36
911	1201040017	Nguyễn Hồng	Hạnh	16/10/2006	CT12A	000911	582	5.00	38	36
912	1201040020	Võ Thị	Huệ	18/04/2005	CT12A	000912	614	3.00	23	36
913	1201040021	Đặng Duy	Hung	07/10/2006	CT12A	000913			#####	36
914	1201040022	Bùi Trịnh Việt	Huy	03/09/2006	CT12A	000914			#####	36
915	1201040023	Nguyễn Mạnh	Huy	15/01/2006	CT12A	000915			#####	36
916	1201041470	Thạch Thu	Huyền	19/08/2006	CT12A	000916	739	4.80	36	36
917	1201040025	Dương Quốc	Khánh	30/08/2006	CT12A	000917	845	3.00	23	36
918	1201040026	Dương Diệu	Linh	28/09/2006	CT12A	000918	173	2.80	21	36
919	1201040027	Nguyễn Thùy	Linh	04/01/2006	CT12A	000919	201	3.60	27	36
920	1201040028	Phạm Thị Thảo	Linh	27/09/2006	CT12A	000920	398	6.60	50	36
921	1201040030	Ninh Hoàng	Long	24/06/2006	CT12A	000921	467	8.40	63	36
922	1201040031	Hoàng Tuấn	Minh	07/03/2006	CT12A	000922	582	4.80	36	36
923	1201040659	Đinh Hoàng	Phong	17/09/2006	CT12A	000923	614	1.40	11	36
924	1201040036	Phạm Minh	Tài	11/01/2006	CT12A	000924	739	3.20	24	36

BẢNG ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐHCQ K12_ HỌC KỲ I (2025-2026)
Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2 (trắc nghiệm)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm thang 10	Điểm thang 75	Ghi chú
925	1201040037 Nguyễn Tiến	Thành	02/06/2006	CT12A	000925	845	3.20	24	36
926	1201040039 Ngô Thị Minh	Thư	20/08/2006	CT12A	000926	173	4.00	30	36
927	1201040042 Đỗ Quỳnh	Trang	23/06/2006	CT12A	000927	201	2.40	18	36
928	1201040043 Đặng Anh	Tuấn	08/03/2006	CT12A	000928	398	3.40	26	36
929	1001030682 Nguyễn Tiến	Sỹ	23/11/2004	QM10A	000929			#####	36
930	1101020071 Phạm Thị Thùy	Dương	12/5/2005	KD11B	000930	467	9.00	68	35

Tổng số bài: 838

Cán bộ chấm 1

Nguyễn Thị Bích Hường

Hưng Yên, Ngày 15 tháng 01 năm 2026

Cán bộ chấm 2

Đặng Thị Hiền